



Ipard

AGROiNFO

NĂM 2023

# LÚA GẠO





## MỤC LỤC

|                                                                                       |           |
|---------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>I. DIỄN BIẾN CUNG – CẦU LÚA GẠO .....</b>                                          | <b>4</b>  |
| 1.1. Bối cảnh cung cầu lúa gạo quốc tế .....                                          | 4         |
| 1.1.1. Sản xuất .....                                                                 | 4         |
| 1.1.2. Tiêu thụ .....                                                                 | 5         |
| 1.2. Tình hình sản xuất, tiêu thụ lúa gạo Việt Nam .....                              | 6         |
| 1.2.1. Sản xuất .....                                                                 | 6         |
| 1.2.2. Tiêu thụ .....                                                                 | 9         |
| 1.3. Diễn biến giá cả lúa gạo thế giới .....                                          | 9         |
| <b>II. THƯƠNG MẠI LÚA GẠO .....</b>                                                   | <b>11</b> |
| 2.1. Bối cảnh thương mại gạo thế giới .....                                           | 11        |
| 2.1.1. Xuất khẩu .....                                                                | 11        |
| 2.1.2. Nhập khẩu .....                                                                | 12        |
| 2.2. Diễn biến xuất khẩu gạo Việt Nam .....                                           | 14        |
| 2.3. Diễn biến giá cả lúa gạo Việt Nam .....                                          | 15        |
| 2.3.1. Diễn biến giá xuất khẩu .....                                                  | 15        |
| 2.3.2. Diễn biến giá gạo trong nước .....                                             | 15        |
| 2.4. Doanh nghiệp xuất khẩu gạo .....                                                 | 16        |
| <b>III. MỘT SỐ CHÍNH SÁCH CÓ TÁC ĐỘNG ĐẾN NGÀNH GẠO TRONG NĂM 2023 .....</b>          | <b>18</b> |
| 3.1. Quốc tế .....                                                                    | 18        |
| 3.1.1. Ấn Độ .....                                                                    | 18        |
| 3.1.2. Philippines .....                                                              | 19        |
| 3.1.3. Indonesia .....                                                                | 19        |
| 3.1.4. Các quốc gia khác .....                                                        | 20        |
| 3.2. Trong nước .....                                                                 | 20        |
| 3.2.1. Chiến lược phát triển thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam đến năm 2030 ..... | 20        |



|                                                                                                                                                                                      |    |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| 3.2.2. Chỉ thị về việc đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc gia và thúc đẩy sản xuất, xuất khẩu gạo bền vững trong giai đoạn hiện nay .....                                     | 22 |
| 3.2.3. Chỉ thị về tăng cường công tác thông tin thị trường, xúc tiến thương mại, phát triển thị trường xuất khẩu gạo và bình ổn thị trường trong nước trong giai đoạn hiện nay ..... | 26 |
| 3.2.4. Đề án phát triển bền vững một triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030 .....          | 27 |
| 3.2.5. Thành lập Hiệp hội Ngành hàng lúa gạo Việt Nam .....                                                                                                                          | 29 |

#### **IV. TRIỂN VỌNG NGÀNH LÚA GẠO .....31**

|                                                         |    |
|---------------------------------------------------------|----|
| 4.1. Tình hình sản xuất và xuất khẩu của thế giới ..... | 31 |
| 4.2. Tình hình sản xuất và xuất khẩu của Việt Nam ..... | 32 |
| 4.3. Dự báo tình hình giá gạo năm 2023 .....            | 33 |

**DANH MỤC HÌNH**

|                                                                                                            |    |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| Hình 1: Sản lượng gạo thế giới, 2013/2014 – 2022/2023.....                                                 | 4  |
| Hình 2: Tỷ lệ sản lượng của 10 quốc gia sản xuất nhiều gạo nhất thế giới, 2023/2024 .....                  | 5  |
| Hình 3: Tiêu thụ gạo thế giới, 2013/2014 – 2022/2023.....                                                  | 5  |
| Hình 4: Tỷ lệ sản lượng của 10 quốc gia tiêu thụ nhiều gạo nhất thế giới, 2023/2024 .....                  | 6  |
| Hình 5: Tổng diện tích canh tác lúa cả nước trong cả năm, giai đoạn 2014 – 2023.....                       | 7  |
| Hình 6: Năng suất và sản lượng lúa Việt Nam, 2014 – 2023 .....                                             | 7  |
| Hình 7: Tỷ trọng diện tích và sản lượng ba vụ lúa năm 2023 so với kết quả cả năm.....                      | 8  |
| Hình 8: Năng suất lúa các vụ trong năm 2023 .....                                                          | 8  |
| Hình 9: Tiêu dùng và tồn kho gạo của Việt Nam, 2013/2014 – 2022/2023.....                                  | 9  |
| Hình 10: Giá gạo 5% tấm của Việt Nam, Thái Lan và Ấn Độ theo tuần, 2022 – 2023 .....                       | 10 |
| Hình 11: Khối lượng xuất khẩu của 8 quốc gia xuất khẩu gạo nhiều nhất thế giới, 2021/2022 – 2022/2023..... | 11 |
| Hình 12: Xu hướng của 3 quốc gia xuất khẩu nhiều gạo nhất thế giới, 2013/2014 – 2022/2023.....             | 12 |
| Hình 13: Khối lượng nhập khẩu của 8 quốc gia nhập khẩu gạo nhiều nhất thế giới, 2013/2014 – 2022/2023..... | 13 |
| Hình 14: Xu hướng của 3 thị trường nhập khẩu nhiều gạo nhất thế giới, 2013/2014 – 2022/2023.....           | 13 |
| Hình 15: Lượng và kim ngạch xuất khẩu gạo Việt Nam, 2012 – 2023 .....                                      | 14 |
| Hình 16: Giá gạo xuất khẩu trung bình hàng năm của Việt Nam, 2012 – 2023.....                              | 15 |
| Hình 17: Giá lúa trung bình tại ĐBSCL theo tuần, 2022 – 2023.....                                          | 16 |
| Hình 18: Dự báo sản lượng gạo toàn cầu từ 2024 đến 2029.....                                               | 31 |
| Hình 19: Dự báo tiêu thụ gạo toàn cầu từ 2024 đến 2029 .....                                               | 32 |
| Hình 20: Dự báo giá gạo thế giới từ 2024 đến 2029 .....                                                    | 33 |



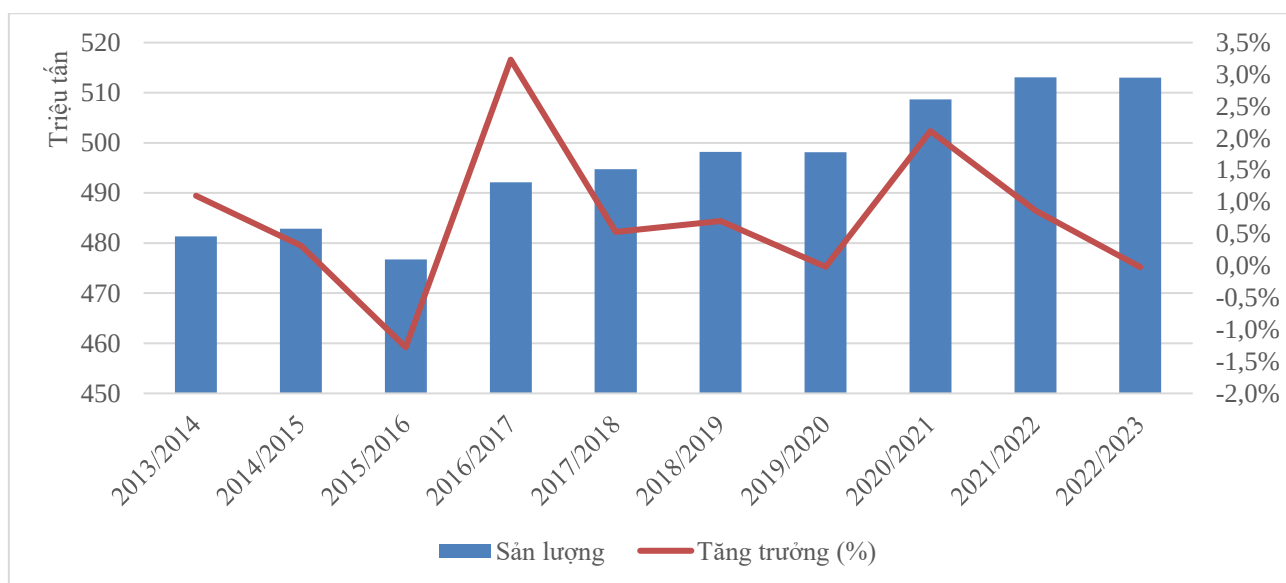
## I. Diễn biến cung – cầu lúa gạo

### 1.1. Bối cảnh cung cầu lúa gạo quốc tế

#### 1.1.1. Sản xuất

Theo số liệu thống kê USDA, sản xuất gạo trên toàn thế giới vẫn tăng trưởng đều trong vòng 10 năm trở lại đây, với tốc độ tăng trưởng bình quân năm đạt mức 0,8%/năm. Sản lượng niên vụ 2022/2023 ở mức 513,0 triệu tấn, giảm nhẹ 0,02% so với mức 513,1 triệu tấn của niên vụ 2021/2022.

Hình 1: Sản lượng gạo thế giới, 2013/2014 – 2022/2023

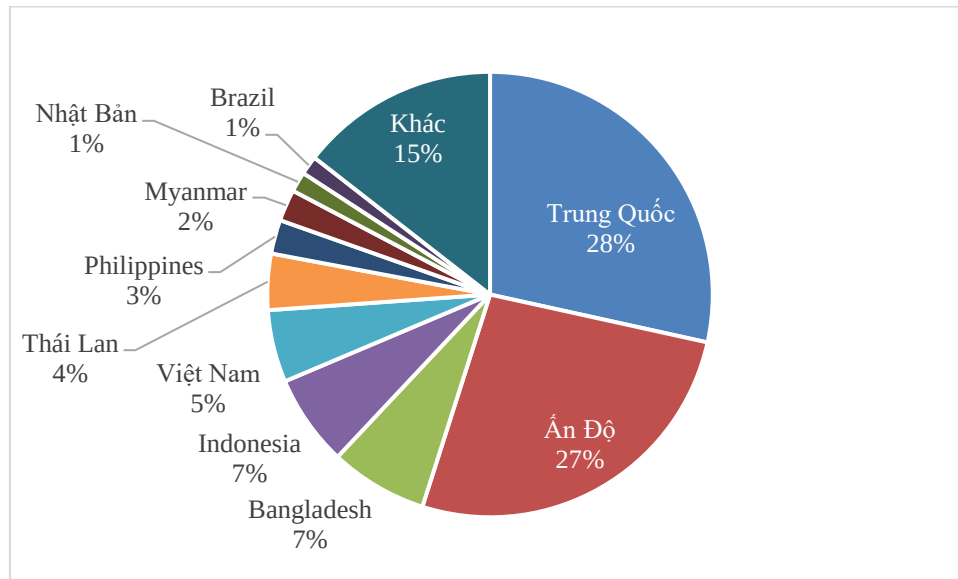


Nguồn: USDA, 2024

Trong đó, 10 quốc gia có sản lượng gạo lớn nhất bao gồm: Trung Quốc, Ấn Độ, Bangladesh, Indonesia, Việt Nam, Thái Lan, Philippines, Myanmar, Nhật Bản và Brazil. Trong tất cả các quốc gia, Ấn Độ có tốc độ tăng trưởng sản lượng cao nhất trong kỳ 2013/2014 – 2022/2023 với 2,6%/năm, tiếp đến là Philippines với 1,1%/năm và Thái Lan với 0,9%/năm. Trong khi đó, Brazil giảm tăng trưởng khoảng 1,0%/năm, Indonesia giảm 0,7%/năm, và Nhật Bản giảm 0,7%/năm.

Tổng sản lượng gạo của 10 quốc gia đứng đầu này chiếm đến 85,5% tổng sản lượng gạo (đã xay xát) của toàn thế giới, đứng đầu là Trung Quốc với 145,9 triệu tấn (chiếm 28,5% tổng sản lượng gạo của thế giới), Ấn Độ với 135,8 triệu tấn (26,5%); tiếp đó, Bangladesh, Indonesia, Việt Nam có sản lượng lần lượt là 36,4 triệu tấn (7,1%), 34,0 triệu tấn (6,6%) và 26,9 triệu tấn (5,3%).

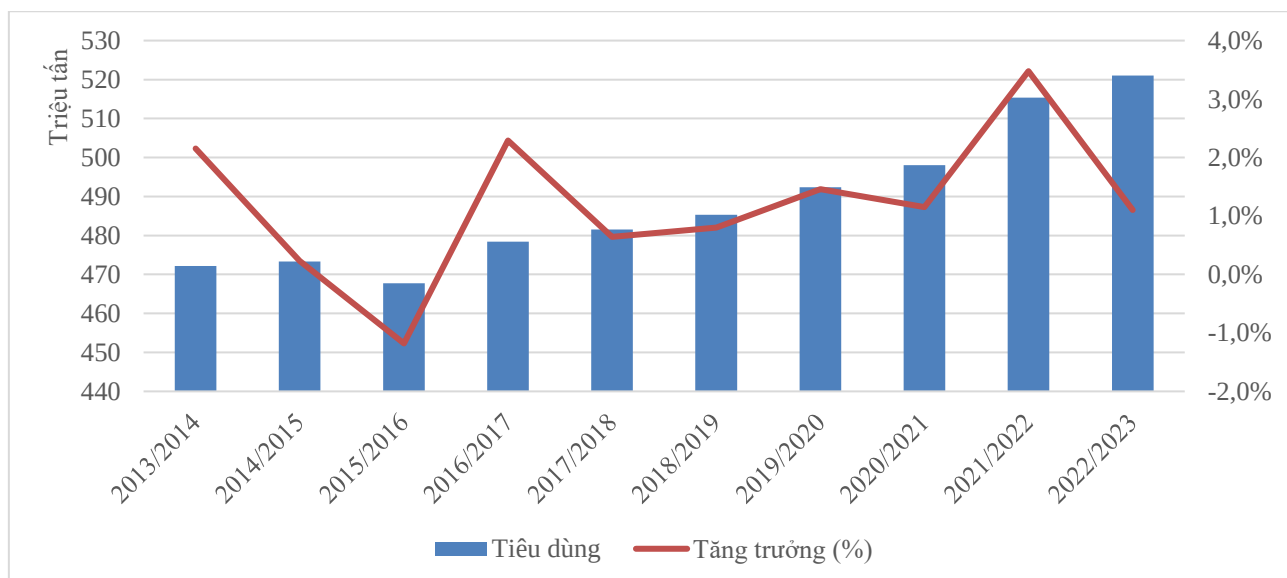


**Hình 2: Tỷ lệ sản lượng của 10 quốc gia sản xuất nhiều gạo nhất thế giới, 2023/2024**

Nguồn: USDA, 2024

### 1.1.2. Tiêu thụ

Theo số liệu thống kê USDA, tiêu thụ gạo trên toàn thế giới vẫn tăng trưởng đều trong vòng 10 năm trở lại đây, với tốc độ tăng trưởng bình quân năm đạt mức 1,2%/năm. Trong niên vụ 2022/2023, tiêu thụ gạo đạt 521,1 triệu tấn, tăng nhẹ 1,1% so với niên vụ 2021/2022 trước đó là 515,4 triệu tấn.

**Hình 3: Tiêu thụ gạo thế giới, 2013/2014 – 2022/2023**

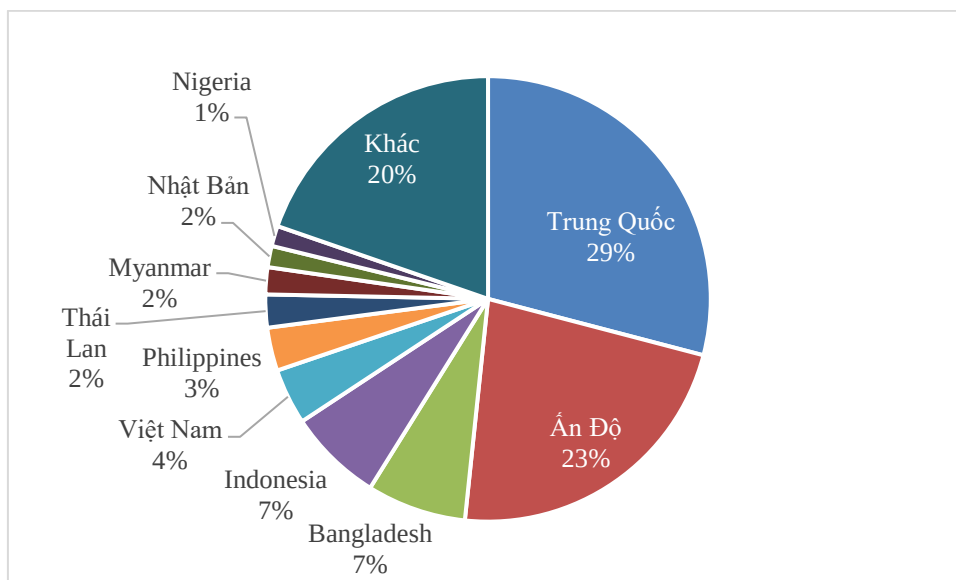
Nguồn: USDA, 2024



Trong đó, 10 quốc gia tiêu thụ gạo lớn nhất bao gồm: Trung Quốc, Ấn Độ, Bangladesh, Indonesia, Việt Nam, Philippines, Thái Lan, Myanmar, Nhật Bản, và Nigeria. Trong các quốc gia này, Nigeria có tốc độ tăng trưởng tiêu thụ gạo cao nhất trong kỳ 2013/2014 – 2022/2023 với tốc độ 2,8%/năm, tiếp đến là Thái Lan và Philippines với mức tăng trưởng lần lượt là 2,5%/năm và 2,2%/năm. Trong khi đó, Indonesia, Nhật Bản và Việt Nam giảm tăng trưởng tiêu thụ gạo, lần lượt là 0,6%/năm, 0,4%/năm và 0,1%/năm.

Tổng tiêu thụ gạo của 10 quốc gia này chiếm đến 80,4% tổng tiêu thụ gạo của toàn thế giới, đứng đầu là Trung Quốc với 155,0 triệu tấn (chiếm 29,7% tổng tiêu thụ gạo của thế giới), Ấn Độ với 114,5 triệu tấn (22,0%); tiếp đó, Bangladesh, Indonesia và Việt Nam có lượng tiêu thụ lần lượt là 37,6 triệu tấn (7,2%), 35,9 triệu tấn (6,9%) và 21,4 triệu tấn (4,1%).

**Hình 4: Tỷ lệ sản lượng của 10 quốc gia tiêu thụ nhiều gạo nhất thế giới, 2023/2024**



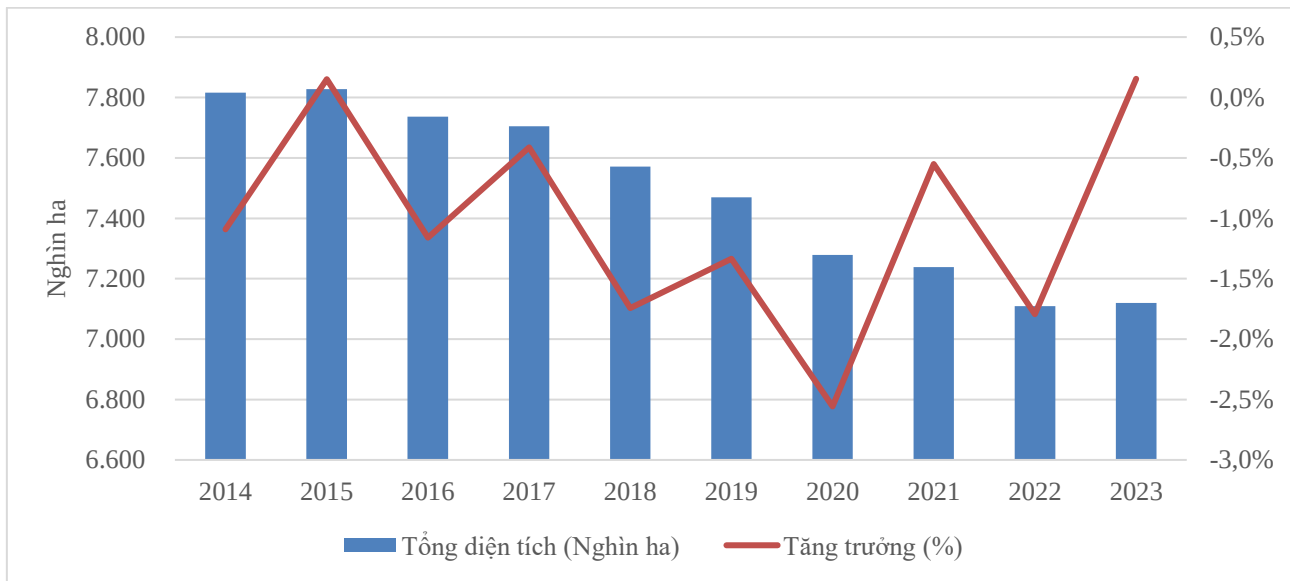
Nguồn: USDA, 2024

## 1.2. Tình hình sản xuất, tiêu thụ lúa gạo Việt Nam

### 1.2.1. Sản xuất

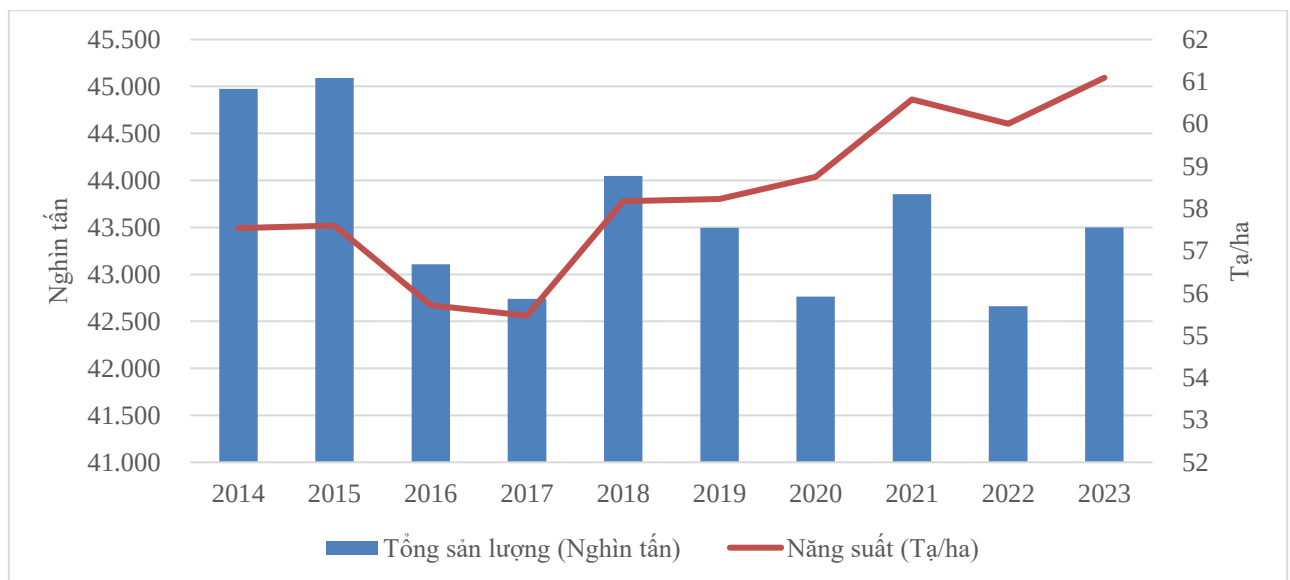
#### Tình hình sản xuất cả năm

Theo Tổng cục Thống kê, năm 2023, tổng diện tích trồng lúa cả năm đạt 7,1 triệu ha, tăng 0,2% so với năm 2022. Trong đó có 3,0 triệu ha là lúa vụ Đông Xuân, 2,6 triệu ha là lúa vụ Hè Thu-Thu Đông, 1,5 triệu ha là lúa vụ Mùa.

**Hình 5: Tổng diện tích canh tác lúa cả nước trong cả năm, giai đoạn 2014 – 2023**

Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2024

Năm 2023, sản lượng gạo đạt 43,5 triệu tấn, tăng 2,0% so với năm 2022. Bên cạnh đó, năng suất cũng có xu hướng tăng nhẹ khoảng 1,0%/năm trong 5 năm gần đây, đạt 61,1 tạ/ha vào năm 2023, tăng 1,8% so với năm 2022.

**Hình 6: Năng suất và sản lượng lúa Việt Nam, 2014 – 2023**

Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2023

### Tình hình sản xuất theo vụ

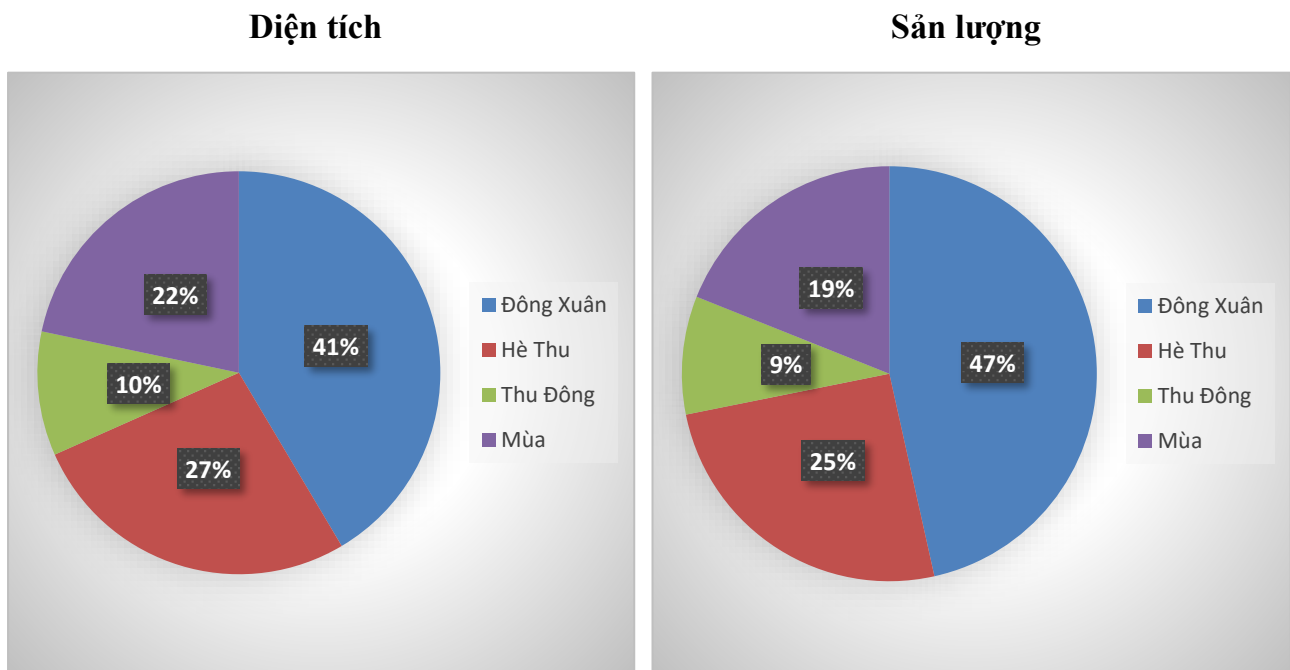
Theo Tổng cục Thống kê, diện tích sản xuất vụ Đông Xuân năm 2023 thấp hơn năm 2022, ước đạt 2,95 triệu ha, giảm 1,3%; tuy nhiên do năng suất đạt 68,4 tạ/ha, tăng 1,6 tạ/ha





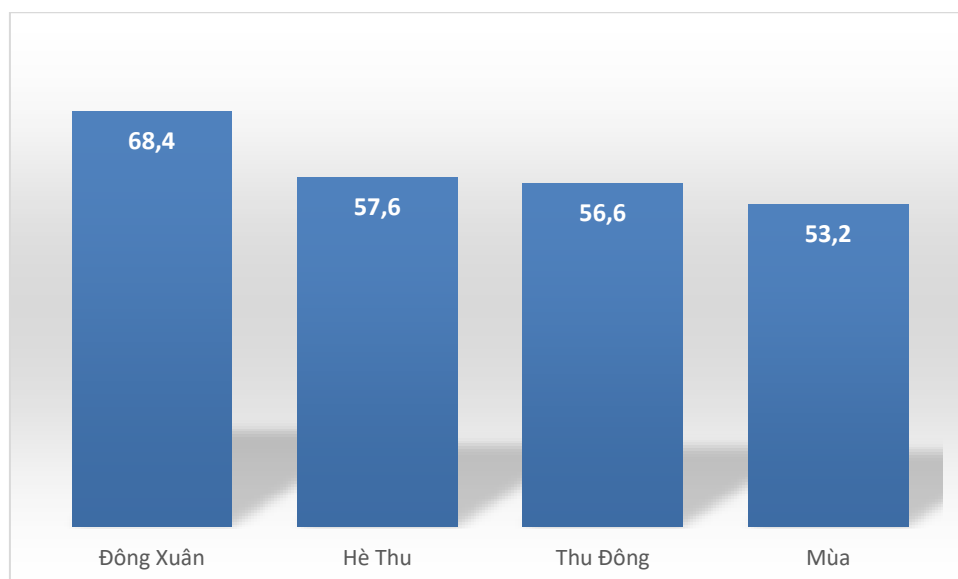
nên sản lượng đạt 20,2 triệu tấn, tăng 1,1% so với năm 2022. Về tỷ trọng diện tích và sản lượng của vụ Đông Xuân so với cả năm, tỷ lệ này đạt 41,5% về diện tích và 46,5% về sản lượng. Trong bốn vụ trong năm, vụ Đông Xuân là vụ có năng suất cao nhất, cao hơn 18,8% so với vụ Hè Thu, 20,8% so với vụ Thu Đông và 28,6% so với vụ Mùa.

**Hình 7: Tỷ trọng diện tích và sản lượng ba vụ lúa năm 2023 so với kết quả cả năm**



Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2024

**Hình 8: Năng suất lúa các vụ trong năm 2023**



Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2024

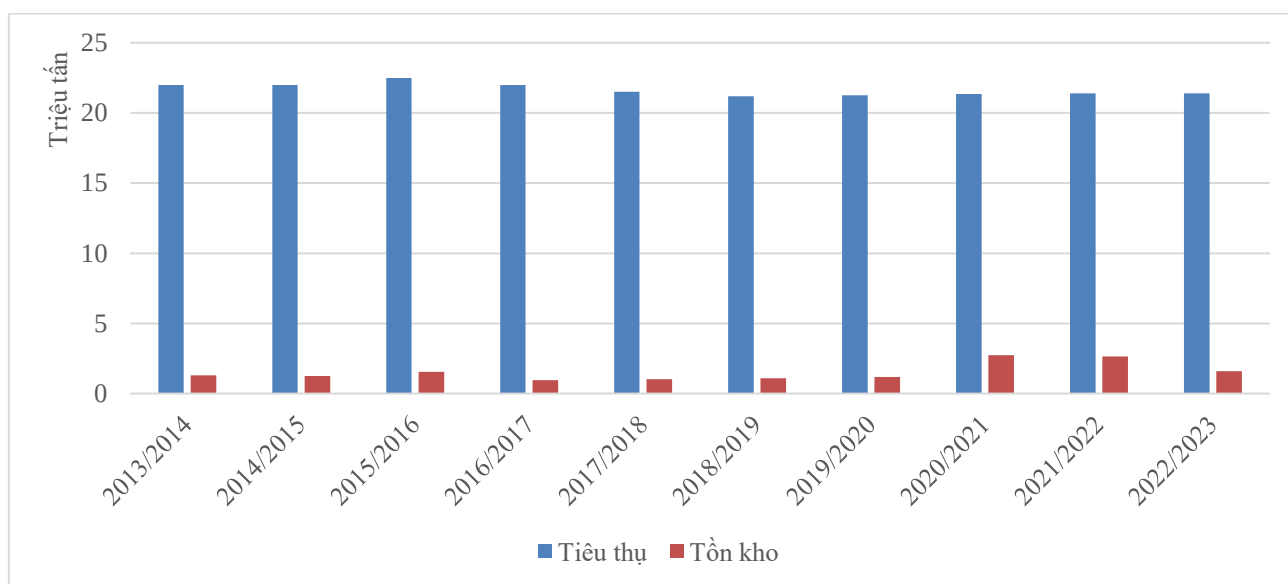


### 1.2.2. Tiêu thụ

Theo USDA, tổng lượng gạo tiêu thụ của Việt Nam có xu hướng giảm nhẹ 0,1%/năm trong giai đoạn 2013/2014 – 2022/2023. Niên vụ 2022/2023, cả nước tiêu thụ khoảng 21,4 triệu tấn gạo (bao gồm cả ăn, sử dụng trong chăn nuôi và các ngành công nghiệp thực phẩm khác), tương đương so với niên vụ 2021/2022.

Lượng gạo tồn kho, dự trữ của Việt Nam trong niên vụ 2022/2023 giảm xuống mức 1,6 triệu tấn, giảm 39,9% so với niên vụ 2021/2022. Trong kỳ 2013/2014 – 2022/2023, Việt Nam có xu hướng tăng trưởng dự trữ khoảng 10,4%/năm.

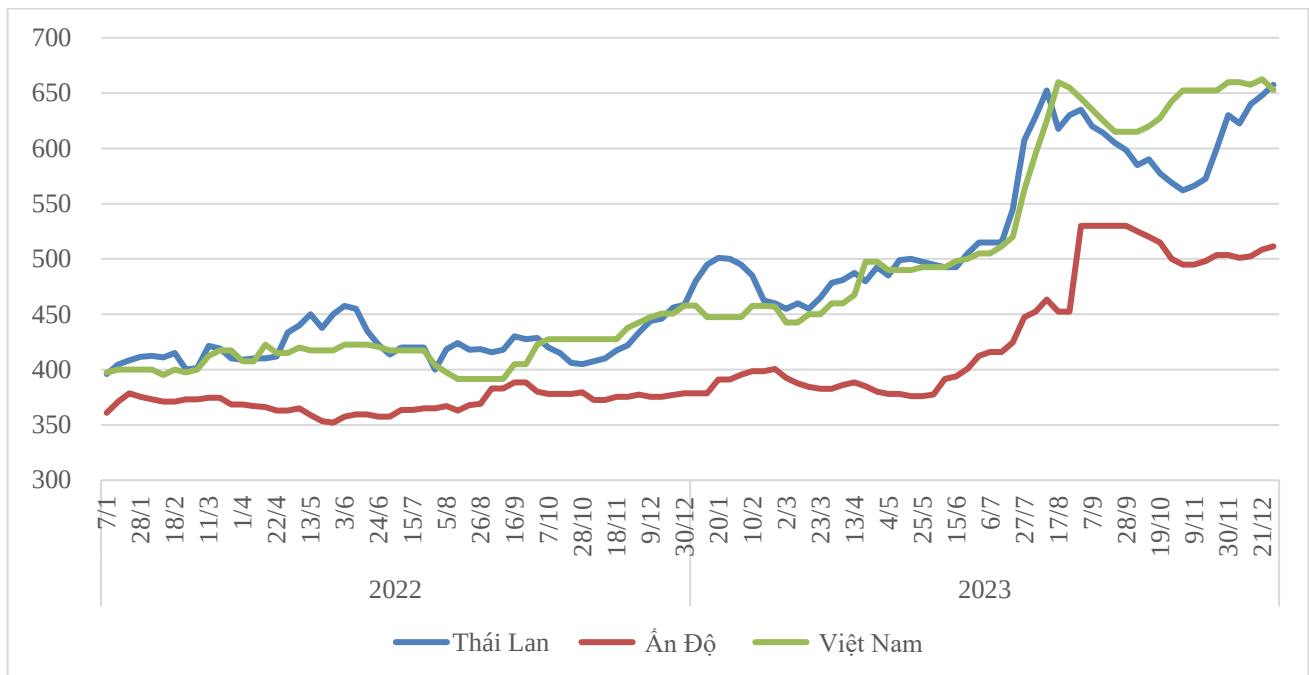
**Hình 9: Tiêu dùng và tồn kho gạo của Việt Nam, 2013/2014 – 2022/2023**



Nguồn: USDA, 2024

### 1.3. Diễn biến giá cả lúa gạo thế giới

Theo Reuters, giá gạo thế giới năm 2023 có xu hướng tăng mạnh ở hầu hết các nguồn sản xuất chính của thế giới, do ngày 20/7/2023, Ấn Độ ban hành lệnh cấm xuất khẩu gạo không phải gạo basmati và nhu cầu gạo gia tăng từ các quốc gia trên thế giới. Cụ thể, về loại gạo 5%, giá gạo Việt Nam tăng khoảng 31,5% so với năm 2022, còn Thái Lan tăng 28,6% và Ấn Độ tăng 18,6%.

**Hình 10: Giá gạo 5% tấm của Việt Nam, Thái Lan và Ấn Độ theo tuần, 2022 – 2023**

Nguồn: Reuters

So sánh mức giá giữa ba quốc gia cho thấy giá gạo của Việt Nam nửa đầu năm 2023 hầu như xấp xỉ so với gạo Thái Lan, tuy nhiên từ tháng 8/2023, giá gạo Việt Nam thường xuyên cao hơn giá gạo Thái Lan. Cụ thể, trung bình năm 2023, giá gạo Việt Nam đạt khoảng 546 USD/tấn, cao hơn 0,7% so với giá gạo Thái Lan (543 USD/tấn) và cao hơn khoảng 24,4% so với giá gạo Ấn Độ (439 USD/tấn).



## II. Thương mại lúa gạo

### 2.1. Bối cảnh thương mại gạo thế giới

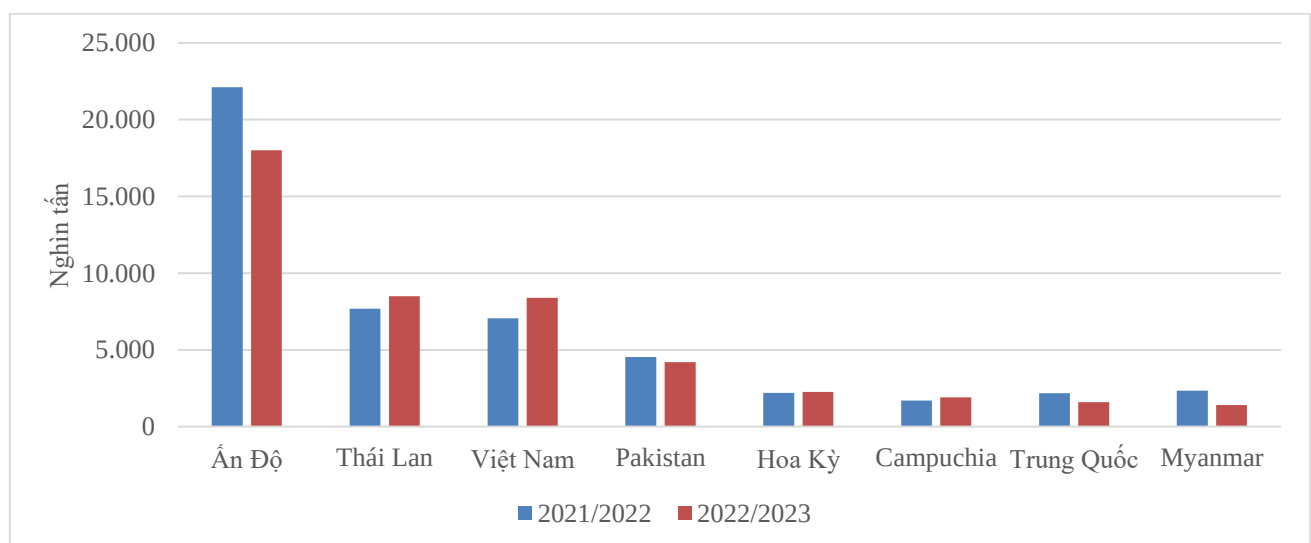
Niên vụ 2022/2023, tổng thương mại gạo thế giới giảm 7,6% so với niên vụ trước. Philippines, Indonesia và Trung Quốc là các thị trường nhập khẩu gạo nhiều nhất thế giới trong khi Ấn Độ, Thái Lan, Việt Nam vẫn là ba quốc gia xuất khẩu gạo lớn nhất thế giới.

#### 2.1.1. Xuất khẩu

Theo USDA, về xuất khẩu gạo trên toàn thế giới, tổng xuất khẩu gạo tăng đều trong giai đoạn 2013/2014 – 2022/2023 với mức tăng trưởng bình quân năm đạt 3,3%/năm. Trong niên vụ 2022/2023, tổng xuất khẩu gạo trên thế giới đạt 52,4 triệu tấn, giảm 6,6% so với niên vụ trước. Các nhà xuất khẩu lớn bao gồm: Ấn Độ, Thái Lan, Việt Nam, Pakistan, Hoa Kỳ, Campuchia, Trung Quốc, và Myanmar.

Tổng xuất khẩu gạo của 8 quốc gia đứng đầu này chiếm tới 88,2% tổng xuất khẩu gạo trên toàn thế giới; trong đó, niên vụ 2022/2023, xuất khẩu gạo của Ấn Độ đạt 18,0 triệu tấn (chiếm 34,3% tổng xuất khẩu gạo của thế giới); Thái Lan đạt 8,5 triệu tấn (16,2%), Việt Nam đạt 8,4 triệu tấn (16,0%), Pakistan đạt 4,2 triệu tấn (8,0%), Hoa Kỳ đạt 2,3 triệu tấn (4,3%), Campuchia đạt 1,9 triệu tấn (3,6%), Trung Quốc đạt 1,6 triệu tấn (3,1%) và Myanmar đạt 1,4 triệu tấn (2,7%). So với niên vụ trước, khối lượng xuất khẩu của Ấn Độ, Thái Lan và Việt Nam có xu hướng giảm, trong khi các nước khác đều tăng.

**Hình 11: Khối lượng xuất khẩu của 8 quốc gia xuất khẩu gạo nhiều nhất thế giới, 2021/2022 – 2022/2023**

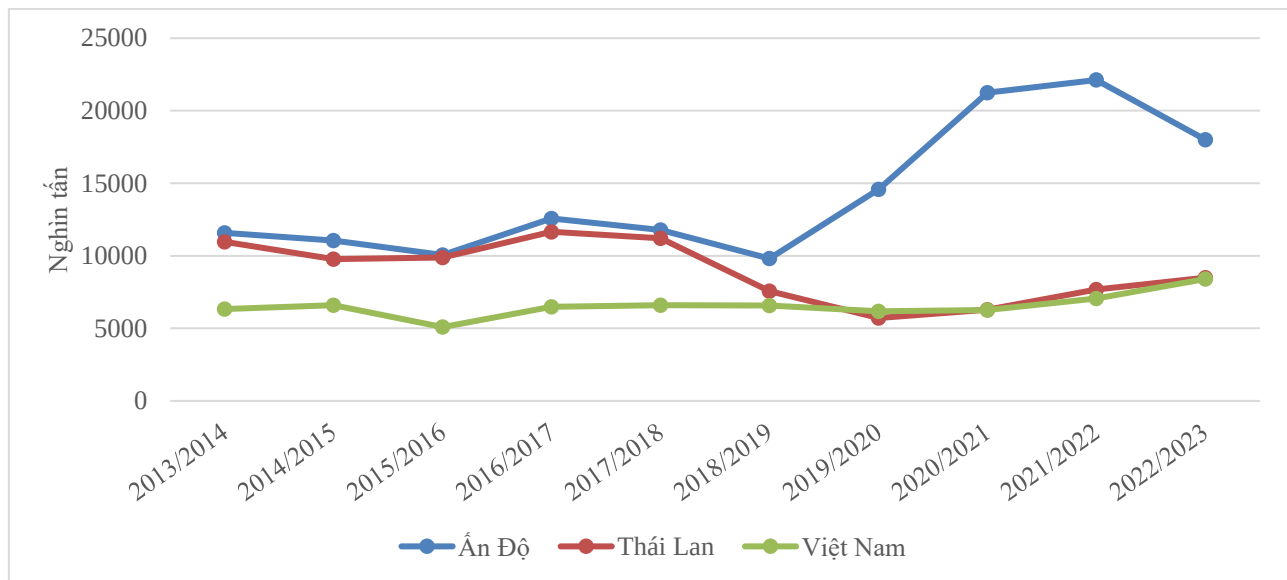


Nguồn: USDA, 2024



Trong ba quốc gia xuất khẩu nhiều gạo nhất thế giới, Ấn Độ có mức tăng trưởng xuất khẩu trong kỳ 2013/2014 – 2022/2023 cao nhất, đạt trung bình 7,9%/năm, tiếp đến là Thái Lan với tốc độ 5,3%/năm và Việt Nam 3,2%/năm.

**Hình 12: Xu hướng của 3 quốc gia xuất khẩu nhiều gạo nhất thế giới, 2013/2014 – 2022/2023**



*Nguồn: USDA, 2024*

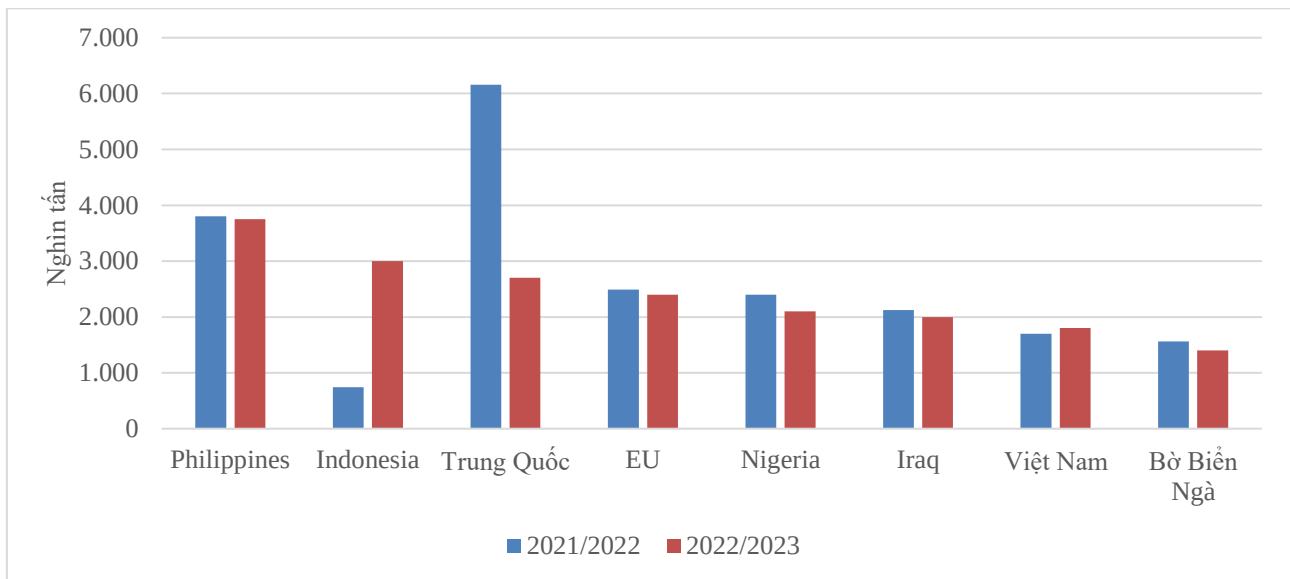
### 2.1.2. Nhập khẩu

Tổng nhập khẩu gạo trên toàn thế giới niên vụ 2022/2023 đạt 50,2 triệu tấn, giảm 8,6% so với niên vụ 2021/2022. Tốc độ tăng trưởng nhập khẩu gạo của thế giới trong vòng 10 năm trở lại đây đạt 3,7%/năm.

Trong niên vụ 2022/2023, Philippines là quốc gia nhập khẩu nhiều gạo nhất thế giới với 3,8 triệu tấn (chiếm 7,5% tổng nhập khẩu gạo của thế giới); tiếp đến Indonesia với 3,0 triệu tấn (6,0%), và Trung Quốc với 2,7 triệu tấn (5,4%). Trong Top 8 quốc gia nhập khẩu nhiều gạo nhất thế giới, so với niên vụ 2021/2022, khối lượng nhập khẩu của Indonesia và Việt Nam có xu hướng tăng trong khi các quốc gia khác có xu hướng giảm.



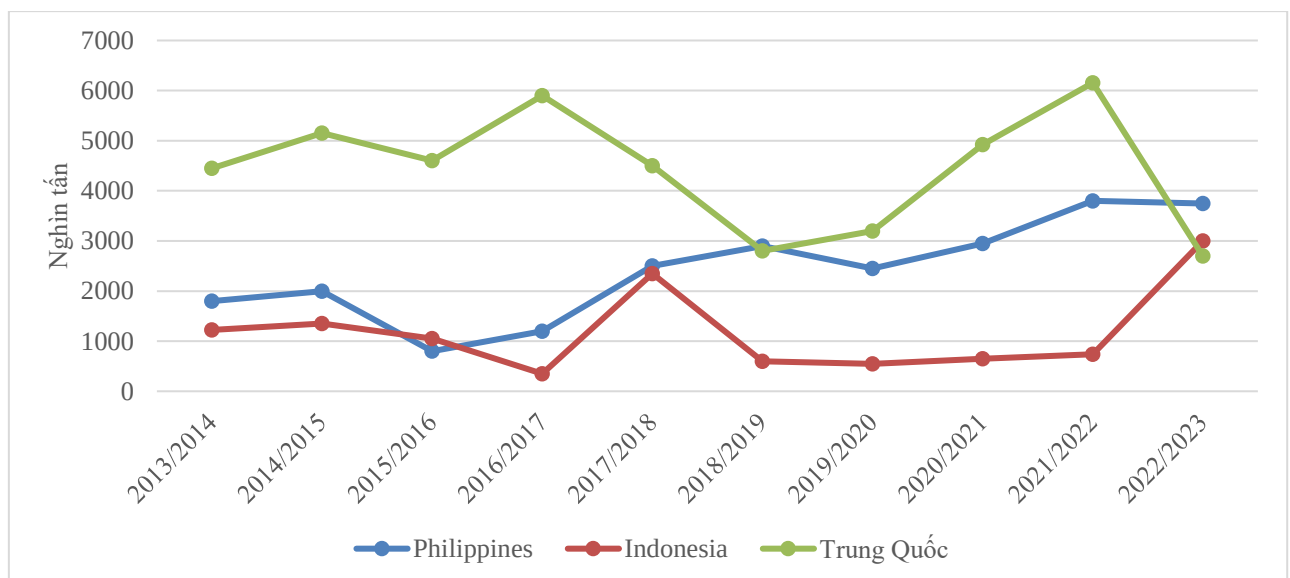
**Hình 13: Khối lượng nhập khẩu của 8 quốc gia nhập khẩu gạo nhiều nhất thế giới, 2013/2014 – 2022/2023**



*Nguồn: USDA, 2024*

Trong ba thị trường nhập khẩu nhiều gạo nhất thế giới, Indonesia có mức tăng trưởng nhập khẩu trong kỳ 2013/2014 – 2022/2023 cao nhất, đạt trung bình 83,6%/năm. Đứng thứ hai là Philippines với tăng trưởng trung bình là 23,8%/năm, còn Trung Quốc đứng thứ ba với tốc độ tăng trưởng trung bình là 3,6%/năm.

**Hình 14: Xu hướng của 3 thị trường nhập khẩu nhiều gạo nhất thế giới, 2013/2014 – 2022/2023**



*Nguồn: USDA, 2024*

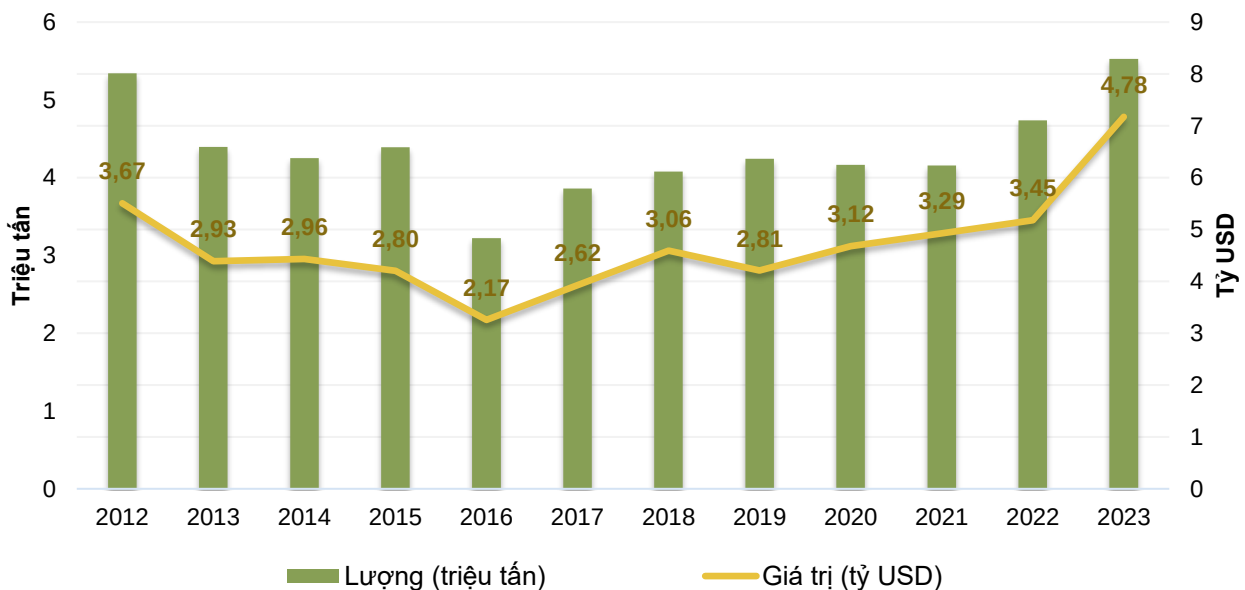




## 2.2. Diễn biến xuất khẩu gạo Việt Nam

Việt Nam luôn nằm trong top 3 quốc gia xuất khẩu gạo nhiều nhất thế giới. Với sản lượng lúa hơn 40 triệu tấn hàng năm (quy đổi gạo khoảng 27-28 triệu tấn), Việt Nam có thể mở rộng các hoạt động xuất khẩu gạo mà vẫn đảm bảo đủ tiêu dùng trong nước.

**Hình 15: Lượng và kim ngạch xuất khẩu gạo Việt Nam, 2012 – 2023**



*Nguồn: Tổng cục Hải Quan, Trung tâm Chuyển đổi số và Thống kê Nông nghiệp*

Theo Trung tâm Chuyển đổi số và Thống kê Nông nghiệp, khối lượng xuất khẩu gạo cả năm 2023 đạt 8,29 triệu tấn và 4,78 tỷ USD, tăng 16,7% về khối lượng và 38,4% về giá trị so với năm 2022 (cao hơn mức kỷ lục năm 2012).

Về thị trường xuất khẩu, Philippin đứng vị trí thứ nhất về thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam trong năm 2023 với 36.3% thị phần. Xuất khẩu gạo sang thị trường này trong năm 2023 đạt 3,1 triệu tấn và 1,74 tỷ USD, giảm 4,1% về khối lượng và tăng 13,4% về giá trị so với cùng kỳ năm 2022. Đứng thứ hai là Indonesia với 14,2% thị phần, đạt 1,22 triệu tấn và 677,78 triệu USD, tăng 1538,7% về khối lượng và 1716,0% về giá trị so với cùng kỳ năm 2022. Đứng thứ ba là Trung Quốc với 11,9% thị phần, đạt 971,8 nghìn tấn và 570,8 triệu USD, tăng 10,9% về khối lượng và 26,7% về giá trị so với cùng kỳ năm 2022.

Về chủng loại xuất khẩu, trong năm 2023, giá trị xuất khẩu gạo trắng thường chiếm 58,1% tổng kim ngạch, gạo thơm chiếm 25,9%; gạo nếp chiếm 9,8%; gạo Japonica chiếm 4,9%; còn lại là gạo đen và gạo đỏ.

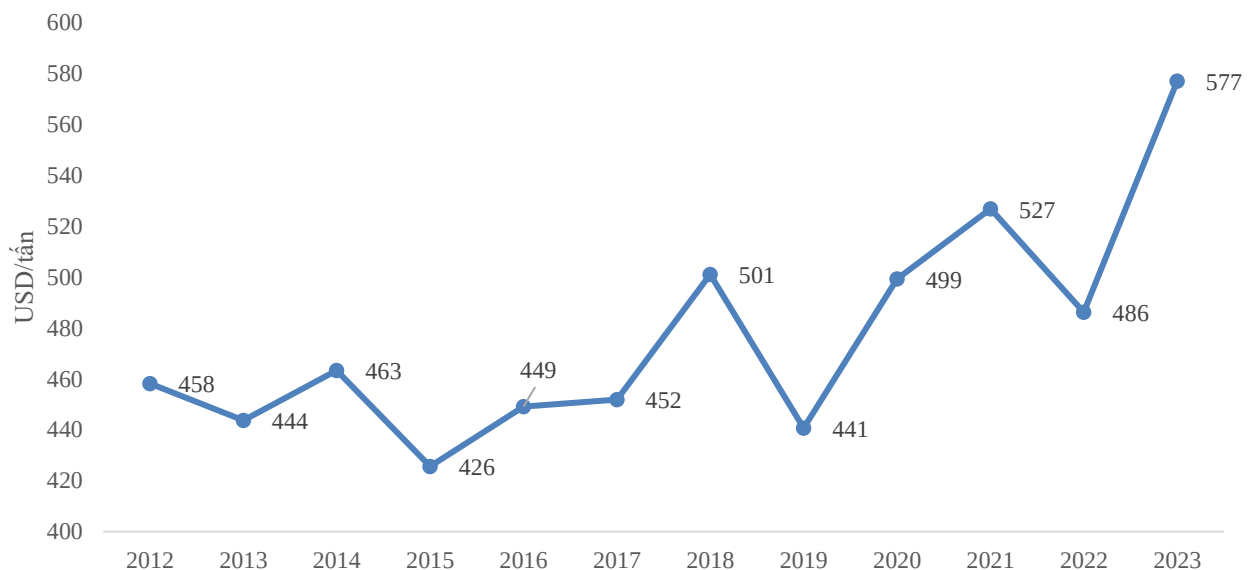


## 2.3. Diễn biến giá cả lúa gạo Việt Nam

### 2.3.1. Diễn biến giá xuất khẩu

Giá gạo xuất khẩu trong kỳ 2013 – 2023, có xu hướng tăng nhẹ trung bình 2,5%/năm. Trong năm 2023, giá gạo xuất khẩu ước đạt 577 USD/tấn, tăng 18,7% so với năm 2022. Nguyên nhân chính của việc giá gạo tăng cao là do Ấn Độ, quốc gia xuất khẩu gạo hàng đầu thế giới, cấm xuất khẩu các loại gạo trắng phi basmati, khiến nguồn cung trên thị trường quốc tế bị thiếu hụt. Bên cạnh đó, hình thái thời tiết El Nino cũng ảnh hưởng làm giảm sản lượng gạo của các quốc gia nhập khẩu gạo lớn như Indonesia.

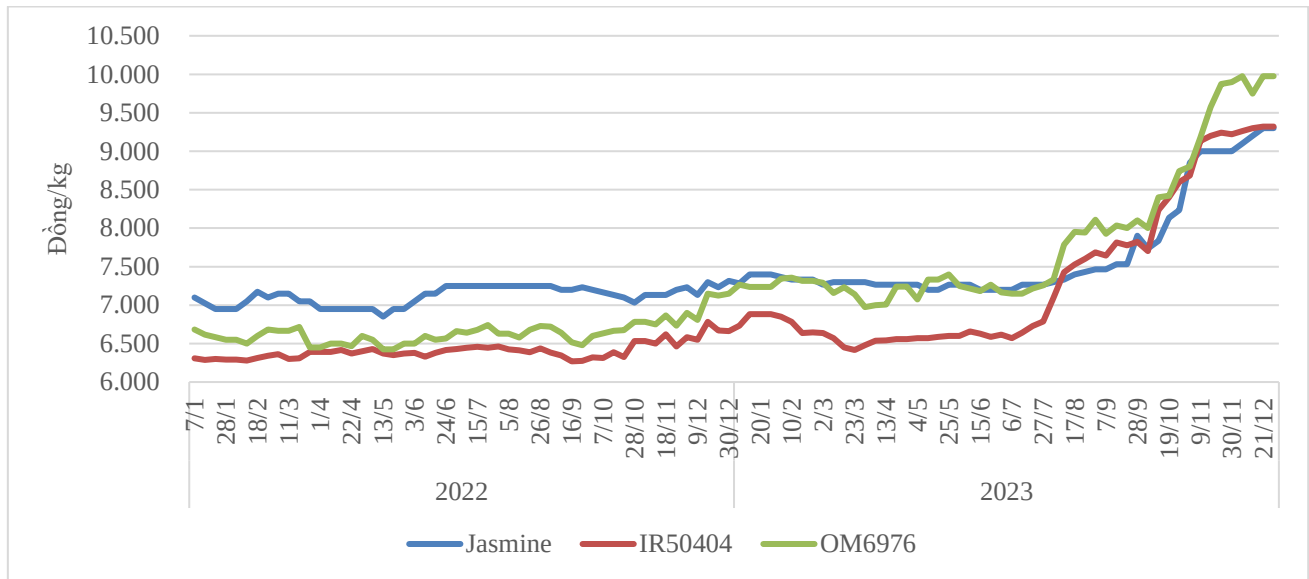
**Hình 16: Giá gạo xuất khẩu trung bình hàng năm của Việt Nam, 2012 – 2023**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan, 2023*

### 2.3.2. Diễn biến giá gạo trong nước

Giá lúa tại ĐBSCL có cùng xu hướng với giá gạo quốc tế, bắt đầu tăng mạnh từ tháng 8/2023 cho đến cuối năm. Giá lúa Jasmine tại ĐBSCL trong năm 2023 đạt trung bình 7.683 đồng/kg, tăng 7,9% so với năm 2022. Giá lúa IR50404 đạt khoảng 7.369 đồng/kg, tăng 15,0% so với năm 2022. Giá lúa OM6976 đạt 7.853 đồng/kg, tăng 18,1% so với 2022.

**Hình 17: Giá lúa trung bình tại ĐBSCL theo tuần, 2022 – 2023**

*Nguồn: Cộng tác viên tại ĐBSCL*

## 2.4. Doanh nghiệp xuất khẩu gạo

Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, năm 2023, Việt Nam có 182 doanh nghiệp xuất khẩu gạo. Top 10 doanh nghiệp xuất khẩu gạo chiếm khoảng 50% kim ngạch xuất khẩu gạo của Việt Nam.

Ngày 14/12/2023, Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 3235/QĐ-BCT phê duyệt danh sách “Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín” năm 2022. Danh sách Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín được tổng hợp và công bố trên cơ sở xét chọn và đề xuất của các cơ quan hữu quan, được xét chọn trên cơ sở các tiêu chí do Bộ Công Thương quy định về mức kim ngạch xuất khẩu tối thiểu, về uy tín trong kinh doanh đối với bạn hàng nước ngoài, về việc chấp hành nghĩa vụ đối với Nhà nước trong lĩnh vực hải quan, lĩnh vực thuế, lĩnh vực môi trường, v.v... Theo đó, ngành gạo có 22 doanh nghiệp được lựa chọn. Cụ thể:

| STT | DOANH NGHIỆP                         | ĐƠN VỊ XÉT CHỌN                |
|-----|--------------------------------------|--------------------------------|
| 1   | Công ty CP Tập đoàn Intimex          | Sở Công Thương TP. Hồ Chí Minh |
| 2   | Tổng công ty Lương thực miền Bắc     | Sở Công thương Tp. Hà Nội      |
| 3   | Công ty TNHH Lương thực Phương Đông  | Sở Công Thương tỉnh Đồng Tháp  |
| 4   | Công ty CP Xuất nhập khẩu Kiên Giang | Sở Công Thương tỉnh Kiên Giang |



| STT | DOANH NGHIỆP                                              | ĐƠN VỊ XÉT CHỌN                |
|-----|-----------------------------------------------------------|--------------------------------|
| 5   | Công ty CP Hiệp Lợi                                       | Sở Công Thương TP. Cần Thơ     |
| 6   | Công ty TNHH Panoramas                                    | Sở Công Thương TP. Hồ Chí Minh |
| 7   | Công ty CP Thương mại Kiên Giang                          | Sở Công Thương tỉnh Kiên Giang |
| 8   | Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời                              | Sở Công Thương tỉnh Bình Định  |
| 9   | Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Lương thực Ngọc Lợi       | Sở Công Thương TP. Cần Thơ     |
| 10  | Công ty TNHH Star Rice                                    | Sở Công Thương tỉnh Tiền Giang |
| 11  | Công ty TNHH Tiến Phát Nông                               | Sở Công Thương tỉnh Sóc Trăng  |
| 12  | Công ty TNHH Việt Hưng                                    | Sở Công Thương tỉnh An Giang   |
| 13  | Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Xây sát lúa gạo Cẩm Nguyên | Sở Công Thương tỉnh Đồng Tháp  |
| 14  | Công ty Lương thực Tiền Giang                             | Sở Công Thương tỉnh Tiền Giang |
| 15  | Công ty CP Vilaconic                                      | Sở Công Thương tỉnh Nghệ An    |
| 16  | Công ty TNHH Ricegrowers Việt Nam                         | Sở Công Thương tỉnh Đồng Tháp  |
| 17  | Công ty CP NN CNC Trung An                                | Sở Công Thương TP. Cần Thơ     |
| 18  | Công ty TNHH gạo Vinh Phát Wilmar                         | Sở Công Thương tỉnh An Giang   |
| 19  | Công ty CP Tập đoàn Tân Long                              | Sở Công Thương TP. Hà Nội      |
| 20  | Công ty TNHH Lương thực Xuân Thắng                        | Sở Công Thương TP. Cần Thơ     |
| 21  | Công ty TNHH Angimex - Kitoku                             | Sở Công Thương tỉnh An Giang   |
| 22  | Công ty Cổ phần Hoàng Minh Nhật                           | Sở Công Thương TP. Cần Thơ     |



### III. Một số chính sách có tác động đến ngành gạo trong năm 2023

#### 3.1. Quốc tế

##### 3.1.1. Ấn Độ

Ngày 20/7/2023, Tổng cục Ngoại thương, cơ quan thuộc Bộ Công Thương Ấn Độ đã ra thông báo số 20/2023 về việc cấm xuất khẩu tất cả các loại gạo trắng phi basmati. Gạo trắng phi basmati chiếm từ 25-30% tổng khối lượng gạo xuất khẩu của Ấn Độ. Tính về giá trị, xuất khẩu loại gạo này của Ấn Độ đạt kim ngạch 4,2 triệu USD trong năm tài chính 2022-2023, so với mức 2,62 triệu USD trong năm trước đó. Các thị trường lớn của gạo trắng phibasmati của Ấn Độ là Thái Lan, Italy, Tây Ban Nha, Sri Lanka và Mỹ. Về khối lượng, Ấn Độ đã xuất 6,5 triệu tấn loại gạo này trong năm tài chính 2022-2023, tăng 22% so với mức 5,3 triệu tấn của năm trước đó.

Lệnh dừng xuất khẩu gạo được Ấn Độ đưa ra trong bối cảnh giá gạo tại nước này đã tăng hơn 11,5% trong vòng 1 năm qua và 3% chỉ trong tháng vừa qua. Các diễn biến thời tiết không thuận trong vụ lúa xuân hè càng thúc đẩy Chính phủ Ấn Độ đi tới quyết định này. Lượng mưa sụt giảm tại các bang nông nghiệp quan trọng như Bihar - giảm 40%, Odisha - giảm 15%, Jharkhand - giảm 44%; trong khi mưa lại gia tăng vượt mức thông thường tại một số bang nông nghiệp khác như Punjab - tăng 52% và Haryana - tăng 65%, đang tác động tới sản lượng và chất lượng của các mặt hàng lương thực, ngũ cốc. Lệnh dừng xuất khẩu được cho là nhằm thúc đẩy nguồn cung lương thực trong nước và giúp kiểm soát lạm phát.

Với vai trò là nước xuất khẩu gạo lớn nhất thế giới, chiếm tới 40% thị trường toàn cầu, quyết định cấm xuất khẩu gạo của Ấn Độ gây ra xáo trộn lớn về giá trên thị trường quốc tế, đặc biệt trong bối cảnh chuỗi cung ứng lương thực vẫn đang chịu tác động bởi cuộc xung đột tại Ukraine.

Ngày 26/8/2023, Ấn Độ tiếp tục áp dụng mức thuế xuất khẩu 20% đối với gạo đồ, một động thái nhằm duy trì đủ lượng gạo dự trữ trong nước và kiểm soát giá trong nước. Với lệnh hạn chế này, Ấn Độ hiện đã áp đặt các hạn chế đối với tất cả các loại gạo phi basmati. Thuế xuất khẩu này có hiệu lực đến ngày 16/10/2023. Tuy nhiên, ngày 13/10, Ấn Độ đã gia hạn thuế 20% đối với gạo đồ xuất khẩu cho đến tháng 31/3/2024.

Ngày 27/8/2023, Bộ Thương mại Ấn Độ thông báo chính phủ nước này sẽ ấn định giá sàn 1.200 USD/tấn đối với gạo basmati (loại gạo thơm hạt thon dài phổ biến ở Ấn Độ) xuất khẩu, nhằm ngăn chặn một số thương nhân tìm cách buôn lậu gạo trắng non-basmati (gạo không phải gạo hạt dài basmati) - loại gạo đã bị cấm xuất khẩu - thông qua hải quan dưới vỏ



bọc là loại gạo basmati vốn đắt tiền hơn.

### 3.1.2. Philippines

Ngày 1/9/2023, Tổng thống Philippines Ferdinand Marcos Jr thiết lập mức trần giá gạo, nhằm bình ổn giá của mặt hàng chủ lực quốc gia. Giá trần đối với gạo xay xát thông thường tại Philippines được đặt ở mức 41 peso (0,72 USD)/kg, trong khi giá gạo xay xát kỹ được đặt ở mức 45 peso (0,79 USD)/kg. Mức trần này bắt buộc có hiệu lực cho đến khi được tổng thống Philippines dỡ bỏ. Philippines là một trong những nước nhập khẩu ngũ cốc lớn nhất thế giới.

Giá gạo tăng nhanh có thể khiến lạm phát tại đây tăng tốc trở lại, sau khi đã xuống thấp nhất 16 tháng trong tháng 7/2023. Gạo hiện chiếm 9% rổ hàng hóa để tính lạm phát tại nước này. Ngân hàng Trung ương Philippines ước tính lạm phát tháng trước tăng tốc lần đầu tiên trong 7 tháng, do giá nhiên liệu và gạo lên cao.

Bộ Nông nghiệp và Thương mại Philippines cũng ghi nhận "tình trạng thao túng giá tràn lan, như nạn đầu cơ tích trữ của các thương nhân và các doanh nghiệp câu kết với nhau". Xung đột Nga – Ukraine, lệnh cấm xuất khẩu gạo của Ấn Độ và giá dầu thế giới khó đoán cũng làm tăng giá bán lẻ gạo tại đây.

Ngày 4/10/2023, Philippines đã dỡ bỏ mức giá trần đối với cả gạo xay xát thông thường và gạo xay xát kỹ. Việc loại bỏ áp trần giá gạo nội địa của Chính phủ Philippines được đưa ra sau khi giá gạo trong nước giảm tới 15% kể từ thời điểm được thực hiện đến ngày 3/10/2023. Động thái bỏ trần giá gạo nội địa mới này của Chính phủ Philippines được cho là sẽ tác động tích cực lên thị trường gạo xuất khẩu nói chung, giá gạo Việt Nam xuất khẩu nói riêng.

### 3.1.3. Indonesia

Ngày 23/11/2023, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp Indonesia cho biết, quốc gia này có kế hoạch nhập khẩu 5 triệu tấn gạo cho đến năm 2024 do ảnh hưởng của hiện tượng khí hậu El Nino ảnh hưởng hoạt động sản xuất lúa gạo. Ngoài El Nino, các cuộc xung đột địa chính trị cũng làm tình hình trở nên tồi tệ hơn, do gián đoạn hoạt động phân phối và gây ra hạn chế xuất khẩu từ các nước sản xuất lương thực. Giá cả lương thực đã tăng cao sau đại dịch COVID-19, điều có thể dẫn đến tình trạng khẩn cấp về lương thực toàn cầu và có khả năng đe dọa sự ổn định chính trị, kinh tế và xã hội ở Indonesia.

Trước dự báo sản lượng gạo sụt giảm, Bộ Nông nghiệp Indonesia đã tiết kiệm khoản chi 1.000 tỷ rupiah (63,7 triệu USD) từ tổng ngân sách 15.000 tỷ rupiah của năm nay để cấp thêm tài chính cho Tổng cục Trồng trọt. Ngoài ra, Bộ Nông nghiệp cũng đề xuất Hạ viện và Chính phủ bổ sung thêm 5.830 tỷ rupiah cho ngân sách năm tới, nhằm đẩy mạnh trồng trọt và





gia tăng sản lượng lúa gạo.

### **3.1.4. Các quốc gia khác**

Ngày 28/7/2023, Các Tiểu vương quốc Ả Rập thống nhất (UAE) thông báo ngưng xuất khẩu gạo trong 4 tháng. Lệnh cấm có hiệu lực từ ngày 28/7/2023 và áp dụng cho tất cả các loại gạo, bao gồm gạo lứt, gạo trắng và gạo tẩm. Theo Bộ Kinh tế UAE, các công ty muốn xuất khẩu hoặc tái xuất khẩu gạo phải xin giấy phép xuất khẩu.

Chính phủ Nga ngày 29/7/2023 cũng thông báo tạm dừng xuất khẩu gạo cho đến cuối năm nay. Chính phủ tạm thời cấm xuất khẩu gạo thô và gạo đã qua chế biến. Hạn chế sẽ có hiệu lực cho đến ngày 31/12/2023. Quyết định được đưa ra để duy trì sự ổn định trên thị trường nội địa. Nga cho biết lệnh cấm không áp dụng với các nước thành viên của Liên minh Kinh tế Á-Âu (Armenia, Belarus, Kazakhstan và Kyrgyzstan) cũng như Abkhazia và South Ossetia (hai vùng lãnh thổ tuyên bố ly khai khỏi Georgia vào những năm 1990). Ngoài ra, gạo vẫn có thể được vận chuyển ra nước ngoài cho mục đích viện trợ nhân đạo.

## **3.2. Trong nước**

### **3.2.1. Chiến lược phát triển thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam đến năm 2030**

Ngày 26/5/2023, Phó Thủ tướng Lê Minh Khái ký Quyết định số 583/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược phát triển thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam đến năm 2030 (Chiến lược).

Mục tiêu tổng quát của Chiến lược nhằm phát triển đa dạng hóa các thị trường xuất khẩu gạo với quy mô, cơ cấu thị trường, cơ cấu sản phẩm xuất khẩu hợp lý, ổn định, bền vững và hiệu quả; củng cố các thị trường xuất khẩu truyền thống, trọng điểm và phát triển các thị trường xuất khẩu mới, tiềm năng, các thị trường FTA; gia tăng thị phần gạo Việt Nam tại các thị trường xuất khẩu, đặc biệt thị trường các nước phát triển.

Gắn thị trường xuất khẩu với sản xuất trong nước theo chuỗi giá trị, bảo đảm chất lượng, an toàn thực phẩm gạo xuất khẩu; tăng cường đưa sản phẩm gạo Việt Nam và các mặt hàng chế biến từ gạo vào các kênh phân phối trực tiếp tại các thị trường; xuất khẩu gạo và các mặt hàng chế biến từ gạo có chất lượng cao và giá trị cao, nâng cao giá trị, đảm bảo hiệu quả xuất khẩu bền vững, khẳng định uy tín và thương hiệu gạo Việt Nam.

Mục tiêu cụ thể là tăng giá trị gia tăng, nâng cao giá trị gạo xuất khẩu, giảm khối lượng xuất khẩu đến năm 2030 xuống còn khoảng 4 triệu tấn với kim ngạch tương đương khoảng 2,62 tỷ USD, giảm khối lượng nên nhịp độ tăng trưởng xuất khẩu bình quân giai đoạn 2023 - 2025 giảm khoảng 2,4% và giai đoạn 2026 - 2030 giảm khoảng 3,6%.





### **Chuyển dịch cơ cấu chủng loại gạo xuất khẩu**

Trong giai đoạn 2023 - 2025, tỷ trọng gạo trắng phẩm cấp thấp và trung bình chiếm không quá 15%; gạo trắng phẩm cấp cao chiếm khoảng 20%; gạo thơm, gạo japonica, gạo đặc sản chiếm khoảng 40%; gạo nếp chiếm khoảng 20%; các sản phẩm gạo có giá trị gia tăng cao như gạo dinh dưỡng, gạo đồ, gạo hữu cơ, bột gạo, sản phẩm chế biến từ gạo, cám gạo và một số phụ phẩm khác từ lúa gạo chiếm khoảng 5%. Phân đầu tỷ lệ gạo xuất khẩu có thương hiệu trên 20%.

Trong giai đoạn 2026 - 2030, tỷ trọng gạo trắng phẩm cấp thấp và trung bình chiếm không quá 10%; gạo trắng phẩm cấp cao chiếm khoảng 15%; gạo thơm, gạo japonica, gạo đặc sản chiếm khoảng 45%; gạo nếp chiếm khoảng 20%; các sản phẩm gạo có giá trị gia tăng cao như gạo dinh dưỡng, gạo đồ, gạo hữu cơ, bột gạo, sản phẩm chế biến từ gạo, cám gạo và một số phụ phẩm khác từ lúa gạo chiếm khoảng 10%. Phân đầu tỷ lệ gạo xuất khẩu có thương hiệu trên 40%.

### **Tăng tỷ lệ gạo xuất khẩu trực tiếp vào các hệ thống phân phối**

Tăng tỷ lệ gạo xuất khẩu trực tiếp vào các hệ thống phân phối của các thị trường lên khoảng 60%; nâng cao hiệu quả xuất khẩu qua kênh trung gian, nhất là đối với các thị trường không thuận lợi trong vận chuyển và thanh toán.

Phân đầu đạt khoảng 25% gạo xuất khẩu trực tiếp mang nhãn hiệu Gạo Việt Nam/Vietnam rice vào năm 2030.

Cơ cấu thị trường điều chỉnh phù hợp với mục tiêu chuyển dịch cơ cấu thị trường xuất khẩu và xu thế diễn biến thị trường gạo thế giới.

Đến năm 2025, thị trường châu Á chiếm tỷ trọng khoảng 60% tổng kim ngạch xuất khẩu gạo, thị trường châu Phi chiếm khoảng 22%, thị trường Trung Đông chiếm khoảng 4%, thị trường châu Âu chiếm khoảng 3%, thị trường châu Mỹ chiếm khoảng 7%, thị trường châu Đại Dương chiếm khoảng 4%.

Đến năm 2030, thị trường châu Á chiếm tỷ trọng khoảng 55% tổng kim ngạch xuất khẩu gạo, thị trường châu Phi chiếm khoảng 23%, thị trường Trung Đông chiếm khoảng 5%, thị trường châu Âu chiếm khoảng 5%, thị trường châu Mỹ chiếm khoảng 8%, thị trường châu Đại Dương chiếm khoảng 4%.

### **Chuyển dịch cơ cấu thị trường xuất khẩu theo hướng bền vững**

Định hướng chung của Chiến lược là chuyển dịch cơ cấu thị trường xuất khẩu theo



hướng bền vững, khai thác hiệu quả nhu cầu nhập khẩu gạo của các thị trường trọng điểm, truyền thống, đồng thời chú trọng phát triển các thị trường có nhu cầu nhập khẩu gạo chất lượng, giá trị cao và các sản phẩm chế biến từ thóc, gạo, các thị trường có quan hệ đối tác bền vững về thương mại và đầu tư, các thị trường FTA.

Tận dụng lợi thế cạnh tranh để củng cố vị thế và khai thác hiệu quả các thị trường gần, thị trường truyền thống, trọng điểm có nhu cầu nhập khẩu gạo phù hợp với điều kiện sản xuất hiện tại; phát triển các thị trường mới, thị trường tiềm năng, tăng tỷ trọng các thị trường nhập khẩu gạo chất lượng, giá trị gia tăng cao; tăng xuất khẩu vào các thị trường FTA có danh ưu đãi cho mặt hàng gạo; từng bước giảm tỷ trọng các thị trường nhập khẩu gạo có chất lượng, giá trị gia tăng và hiệu quả thấp, không ổn định; tận dụng tốt các ngách thị trường phù hợp tại tất cả các khu vực thị trường.

Giữ tỷ trọng gạo trắng, hạt dài phẩm cấp cao ở mức hợp lý (khoảng từ 15 - 20%), giảm tỷ trọng gạo phẩm cấp trung bình và thấp; tăng tỷ trọng gạo thơm, gạo dẻo, gạo Japonica, gạo hữu cơ; đa dạng hóa các sản phẩm chế biến từ lúa gạo, gạo có vi chất dinh dưỡng, bột gạo, mỹ phẩm từ gạo.

### **5 nhóm giải pháp để phát triển thị trường xuất khẩu gạo**

Quyết định nêu rõ, trong bối cảnh cạnh tranh giữa các nước xuất khẩu ngày càng tăng và thương mại gạo thế giới đối mặt với nhiều diễn biến khó đoán định như thiên tai, dịch bệnh, xung đột quân sự, chiến tranh thương mại,... Để phát triển thị trường xuất khẩu gạo Việt Nam, lấy nhu cầu thị hiếu của thị trường để định hướng cho sản xuất, xuất khẩu, các bộ, ngành, địa phương, Hiệp hội và thương nhân kinh doanh xuất khẩu gạo cần triển khai đồng bộ 5 nhóm giải pháp cụ thể: 1- Hoàn thiện thể chế; 2- Giải pháp về nguồn cung gạo; 3- Giải pháp về phía cầu; 4- Giải pháp về hỗ trợ xuất khẩu; 5- Giải pháp về phát triển năng lực khối tư nhân.

#### **3.2.2. Chỉ thị về việc đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc gia và thúc đẩy sản xuất, xuất khẩu gạo bền vững trong giai đoạn hiện nay**

Ngày 5/8/2023, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính ký Chỉ thị số 24/CT-TTg về việc đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc gia và thúc đẩy sản xuất, xuất khẩu gạo bền vững trong giai đoạn hiện nay. Cụ thể:

Trong thời gian vừa qua, tình hình thương mại lương thực toàn cầu diễn biến phức tạp, giá gạo có xu hướng tăng cao do một số nước cấm xuất khẩu, giảm lượng gạo bán ra, một số nước khác tăng mua dự trữ gạo, Thỏa thuận ngũ cốc biển Đen hết hiệu lực, ảnh hưởng các hiện tượng thời tiết cực đoan, thiên tai và hạn hán... Tại Việt Nam, một số địa phương có hiện tượng



mua gom lúa, gạo ồ ạt, gây mất cân đối cung - cầu cục bộ, đẩy giá lúa, gạo trong nước lên cao bất hợp lý.

Để đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc gia trong mọi tình huống, đồng thời phát huy tiềm năng, lợi thế trong sản xuất lúa gạo và cơ hội của thị trường xuất khẩu, nâng cao thu nhập của người dân, tránh tình trạng đầu cơ, trục lợi bất chính, gây bất ổn thị trường và uy tín của gạo Việt Nam, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Bộ trưởng, Thủ trưởng các bộ, cơ quan liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Chủ tịch Hiệp hội Lương thực Việt Nam và các thương nhân kinh doanh xuất khẩu gạo tập trung chỉ đạo, quyết liệt thực hiện một số nhiệm vụ.

### **Định hướng quy hoạch, phát triển các vùng sản xuất lúa hàng hóa quy mô lớn, chất lượng cao**

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo các địa phương rà soát định hướng quy hoạch, phát triển các vùng sản xuất lúa hàng hóa quy mô lớn, chất lượng cao, bảo đảm diện tích đất chuyên trồng lúa, theo dõi chặt chẽ tình hình thời tiết, thiên tai, dịch bệnh để kịp thời điều chỉnh sản xuất, đảm bảo mục tiêu sản xuất trên 43 triệu tấn lúa/năm trong các năm tiếp theo. Khẩn trương triển khai xây dựng, thực hiện đúng tiến độ, hiệu quả Đề án "Phát triển bền vững một triệu héc ta chuyên canh lúa chất lượng cao phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030".

Đồng thời, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Công Thương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Chủ tịch Hiệp hội Lương thực Việt Nam theo dõi sát diễn biến thị trường gạo khu vực và thế giới, tình hình sản xuất, sản lượng lúa, gạo theo từng chủng loại, mùa vụ trong năm để cân đối nguồn lúa, gạo phục vụ nhu cầu tiêu dùng lúa, gạo trong nước và xuất khẩu, đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc gia trong mọi tình huống.

Chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Công Thương và Thủ trưởng các cơ quan liên quan tiếp tục theo dõi, đẩy mạnh đàm phán, tháo gỡ các rào cản kỹ thuật để mở rộng thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam. Kịp thời hướng dẫn, khuyến cáo các địa phương, doanh nghiệp và các hộ nông dân tuân thủ nghiêm các quy định của Việt Nam và nước nhập khẩu.

### **Khẩn trương hoàn thiện, trình Chính phủ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 107/2018/NĐ-CP về kinh doanh xuất khẩu gạo**

Bộ trưởng Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát



triển nông thôn, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao và các cơ quan liên quan chỉ đạo, kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh xuất khẩu gạo, đảm bảo an ninh lương thực quốc gia và tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật; theo dõi sát tình hình thị trường, thương mại gạo thế giới, động thái của các nước sản xuất, xuất khẩu, kịp thời thông tin đến các bộ, ngành, Hiệp hội Lương thực Việt Nam, thương nhân kinh doanh xuất khẩu gạo để chủ động điều tiết hoạt động sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu gạo, bảo đảm phù hợp, hiệu quả.

Khẩn trương hoàn thiện, trình Chính phủ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 107/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh xuất khẩu gạo, trong đó cần quy định chặt chẽ, cụ thể, khả thi về điều kiện kinh doanh xuất khẩu gạo, chất lượng lúa, gạo hàng hóa xuất khẩu, các thương nhân phải liên kết với người trồng lúa trong việc xây dựng vùng nguyên liệu, sản xuất, tiêu thụ lúa, gạo..., tạo môi trường kinh doanh công khai, minh bạch, công bằng, thuận lợi và đảm bảo lợi ích chính đáng của người nông dân trồng lúa, giữ uy tín cho mặt hàng gạo của Việt Nam.

Bộ trưởng Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Thủ trưởng các cơ quan liên quan triển khai các chương trình, hoạt động giao thương, quảng bá sản phẩm, thương hiệu Gạo Việt Nam, xúc tiến thương mại gạo phù hợp với tình hình mới để nâng cao giá trị sản phẩm gạo của Việt Nam; khai thác hiệu quả cơ chế ưu đãi của các FTA mà nước ta là thành viên nhằm đa dạng hóa, chiếm lĩnh các thị trường mới, tiềm năng và nâng cao sức cạnh tranh cho ngành hàng gạo Việt Nam. Hướng dẫn, hỗ trợ các thương nhân kinh doanh, xuất khẩu gạo nâng cao năng lực sản xuất, kinh doanh, khả năng đàm phán, ký kết, thực hiện hợp đồng xuất khẩu và xử lý có hiệu quả tranh chấp thương mại quốc tế, nâng cao uy tín và giá trị thương hiệu gạo Việt Nam trên thị trường quốc tế.

Thủ tướng cũng yêu cầu Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được Chính phủ giao, chủ động, kịp thời chỉ đạo thực hiện các biện pháp bình ổn giá, hỗ trợ người sản xuất lúa, xuất khẩu gạo và các thương nhân theo quy định của pháp luật.

Bộ trưởng Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ trưởng Bộ Công thương tính toán, cân đối việc dự trữ gạo phù hợp, hiệu quả, dứt khoát không được để người dân thiếu lương thực, thiếu gạo khi giáp hạt, thiên tai, dịch bệnh...



### **Xử lý nghiêm các trường hợp đầu cơ, trục lợi bất chính, đẩy giá lúa gạo lên cao bất hợp lý, gây bất ổn thị trường**

Thủ tướng cũng yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chủ động chỉ đạo, điều hành tổ chức sản xuất lúa, gạo đảm bảo mục tiêu về năng suất, chất lượng, sản lượng theo kế hoạch. Kịp thời cung cấp thông tin tới các bộ, ngành liên quan về sản lượng, chủng loại thóc, gạo hàng hóa tồn đọng và dự kiến năng suất, sản lượng thu hoạch lúa, gạo theo từng chủng loại, mùa vụ sản xuất trên địa bàn để phục vụ công tác điều hành xuất khẩu gạo.

Cùng với đó, chỉ đạo các cơ quan chức năng tăng cường theo dõi sát tình hình, kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất, lưu thông, tiêu thụ lúa, gạo trên địa bàn và việc duy trì mức dự trữ lưu thông tối thiểu của các thương nhân kinh doanh xuất khẩu gạo theo quy định; xử lý nghiêm các trường hợp đầu cơ, trục lợi bất chính, đẩy giá lúa gạo lên cao bất hợp lý, gây bất ổn thị trường trong nước, uy tín của thương hiệu gạo Việt Nam trên thị trường quốc tế.

Chủ động nắm bắt tình hình, thông tin mới, ứng phó kịp thời với các tình huống phát sinh tại địa phương để báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Chính phủ và các bộ, ngành liên quan về sản lượng, chủng loại lúa, gạo hàng hóa tồn đọng và dự kiến năng suất, sản lượng thu hoạch lúa, gạo theo từng chủng loại, mùa vụ sản xuất trên địa bàn nhằm thúc đẩy sản xuất, xuất khẩu gạo và đảm bảo an ninh lương thực trong nước.

Chủ tịch Hiệp hội Lương thực Việt Nam tăng cường phối hợp với các cơ quan chức năng của các bộ, ngành, địa phương kịp thời cập nhật và chuyển tải các thông tin về tình hình cung - cầu lúa, gạo, các quy định, chính sách mới của các thị trường ngoài nước tới các hội viên của Hiệp hội. Kịp thời báo cáo các bộ, ngành liên quan những vấn đề phát sinh và đề xuất biện pháp xử lý, đảm bảo an ninh lương thực quốc gia và hiệu quả trong điều hành xuất khẩu gạo.

Tăng cường phối hợp với các bộ, ngành, địa phương trong việc chỉ đạo, hướng dẫn hội viên Hiệp hội mua thóc, gạo hàng hóa, duy trì mức dự trữ lưu thông bắt buộc, bình ổn thị trường theo các quy định của pháp luật; chú trọng tổ chức các khóa tập huấn, đào tạo về kỹ năng thâm nhập vào các thị trường mục tiêu và khai thác các cam kết ưu đãi trong các FTA; hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp xuất khẩu gạo ứng phó có hiệu quả với các rào cản kỹ thuật của các thị trường mới và các biện pháp phòng vệ thương mại; phối hợp đấu tranh trên mọi cấp độ, mọi diễn đàn đối với các biện pháp bảo hộ thương mại quá mức, không phù hợp với cam kết quốc tế của các thị trường nhập khẩu, bảo vệ quyền lợi hợp pháp, chính đáng cho doanh nghiệp hội viên.





Các thương nhân kinh doanh xuất khẩu gạo thực hiện nghiêm việc duy trì mức dự trữ lưu thông tối thiểu, chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất theo yêu cầu của các bộ, ngành liên quan và theo quy định của Chính phủ; chủ động theo dõi tình hình thương mại gạo toàn cầu, trao đổi thông tin cùng Hiệp hội lương thực Việt Nam để kịp thời báo cáo các bộ, ngành liên quan những vấn đề phát sinh và đề xuất biện pháp xử lý. Tìm hiểu kỹ các đối tác trước khi ký hợp đồng, đặc biệt thận trọng trong giao, nhận và thanh toán các lô hàng để tránh bị lừa đảo.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, quyết liệt, đồng bộ, có hiệu quả Chỉ thị này cùng các nhiệm vụ, giải pháp đã được Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo tại: Công điện số 610/CT-ĐT ngày 03 tháng 7 năm 2023 về việc tăng cường thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp thúc đẩy sản xuất, xuất khẩu gạo; Quyết định số 583/QĐ-ĐT ngày 26 tháng 5 năm 2023 phê duyệt Chiến lược phát triển thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam đến năm 2030.

### ***3.2.3. Chỉ thị về tăng cường công tác thông tin thị trường, xúc tiến thương mại, phát triển thị trường xuất khẩu gạo và bình ổn thị trường trong nước trong giai đoạn hiện nay***

Ngày 15/8/2023, Bộ Công Thương ban hành Chỉ thị số 07/CT-BCT về tăng cường công tác thông tin thị trường, xúc tiến thương mại, phát triển thị trường xuất khẩu gạo và bình ổn thị trường trong nước trong giai đoạn hiện nay.

Theo Chỉ thị, Bộ Công Thương yêu cầu Sở Công Thương các tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương tập trung triển khai thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp cụ thể sau đây:

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn địa phương rà soát tình hình sản xuất thóc, gạo tại địa phương thông tin tới Bộ Công Thương về sản lượng, chủng loại thóc, gạo hàng hoá tồn đọng và dự kiến năng suất, sản lượng thu hoạch trên địa bàn.

- Đôn đốc các doanh nghiệp tham gia Chương trình Bình ổn thị trường trên địa bàn có phương án về nguồn hàng thóc, gạo để đảm bảo cung ứng cho thị trường từ nay đến cuối năm; xử lý nghiêm các trường hợp đầu cơ, trục lợi bất chính, đẩy giá thóc, gạo lên cao bất hợp lý, gây bất ổn thị trường trong nước.

- Chỉ đạo các doanh nghiệp xuất khẩu gạo trên địa bàn duy trì lượng thóc, gạo dự trữ bình ổn thị trường theo quy định để sẵn sàng cung ứng ra thị trường khi cần thiết.

- Chủ động phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ Công Thương thông tin tình hình hướng phát sinh tại địa phương đề xuất giải pháp liên quan để thúc đẩy sản xuất, xuất khẩu gạo và đảm bảo an ninh lương thực.





- Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ có liên quan theo quy định tại Nghị định số 107/2018/NĐ-CP và thực hiện nhiệm vụ tại Chỉ thị số 24/CT-TTg về việc tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất, lưu thông, tiêu thụ lúa, gạo trên địa bàn và việc duy trì mức dự trữ lưu thông tối thiểu của thương nhân kinh doanh xuất khẩu gạo theo quy định; xử lý nghiêm các trường hợp đầu cơ, trục lợi bất chính, đẩy giá gạo lên cao bất hợp lý, gây bất ổn thị trường trong nước, ảnh hưởng đến uy tín gạo Việt Nam trên thị trường quốc tế.

Ngoài ra, Bộ Công Thương cũng giao nhiệm vụ cụ thể đối với Tổng cục Quản lý thị trường, Cục Xuất nhập khẩu, Cục Phòng vệ thương mại, Vụ Chính sách thương mại đa biên, Vụ Pháp chế, Vụ Thị trường Châu Á-Châu Phi, Vụ Thị trường châu Âu-châu Mỹ, Vụ thị trường trong nước, Hiệp hội Lương thực Việt Nam, Các thương nhân kinh doanh xuất khẩu gạo và các đơn vị thuộc Bộ có liên quan.

#### ***3.2.4. Đề án phát triển bền vững một triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030***

Ngày 27/11/2023, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 1490/QĐ-TTg phê duyệt Đề án “Phát triển bền vững một triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030”

##### **Mục tiêu chung của Đề án:**

- Hình thành một triệu héc-ta vùng chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tổ chức lại hệ thống sản xuất theo chuỗi giá trị, áp dụng các quy trình canh tác bền vững nhằm gia tăng giá trị, phát triển bền vững của ngành lúa gạo, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, thu nhập và đời sống của người trồng lúa, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm phát thải khí nhà kính, góp phần thực hiện các cam kết quốc tế của Việt Nam.

##### **Mục tiêu cụ thể**

##### ***Mục tiêu đến năm 2025***

- Về quy mô: Diện tích canh tác vùng chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp đạt 180.000 héc-ta.

- Về canh tác bền vững: Tại các vùng chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp, giảm lượng lúa giống gieo sạ xuống 80 - 100 kg/ héc-ta, giảm 20% lượng phân bón hoá học và thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc hóa học, giảm 20% lượng nước tưới so với canh tác truyền thống, 100% diện tích áp dụng ít nhất một quy trình canh tác bền vững như 1 phải 5 giảm, tưới ngập khô xen kẽ, tiêu chuẩn sản xuất lúa bền vững (Sustainable Rice Platform - SRP), các tiêu



chuẩn thực hành nông nghiệp tốt được chứng nhận và được cấp mã số vùng trồng.

- Về tổ chức lại sản xuất:

+ 100% diện tích sản xuất vùng chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp có liên kết giữa doanh nghiệp với tổ hợp tác, hợp tác xã hoặc các tổ chức của nông dân trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

+ Tỷ lệ cơ giới hóa đồng bộ đạt trên 50% diện tích.

+ Trên 200.000 hộ áp dụng quy trình canh tác bền vững.

- Về bảo vệ môi trường và tăng trưởng xanh:

+ Tỷ lệ thất thoát sau thu hoạch dưới 10%.

+ 70% rơm tại các vùng chuyên canh được thu gom khỏi đồng ruộng và được chế biến tái sử dụng.

+ Giảm trên 10% lượng phát thải khí nhà kính so với canh tác lúa truyền thống.

- Về thu nhập người trồng lúa, giá trị gia tăng: Giá trị gia tăng trong chuỗi lúa gạo tăng 30%, trong đó tỷ suất lợi nhuận của người trồng lúa đạt trên 40%;

- Xây dựng thương hiệu và xuất khẩu: Lượng gạo xuất khẩu chất lượng cao và phát thải thấp chiếm trên 20% tổng lượng gạo xuất khẩu của toàn vùng chuyên canh.

### ***Mục tiêu đến năm 2030***

- Về quy mô: Diện tích canh tác vùng chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp đạt một triệu héc-ta.

- Về canh tác bền vững: Giảm lượng lúa giống gieo sạ xuống dưới 70 kg/héc-ta, giảm 30% lượng phân bón hóa học và thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc hóa học, giảm 20% lượng nước tưới so với canh tác truyền thống. 100% diện tích áp dụng ít nhất một quy trình canh tác bền vững như 1 phải 5 giảm, SRP, tưới khô xen kẽ và các tiêu chuẩn thực hành nông nghiệp tốt được chứng nhận và được cấp mã số vùng trồng.

- Về tổ chức sản xuất:

+ 100% diện tích sản xuất vùng chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp có liên kết giữa doanh nghiệp với tổ hợp tác, hợp tác xã hoặc các tổ chức của nông dân trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

+ Tỷ lệ cơ giới hóa đồng bộ đạt trên 70% diện tích.



- + Trên 1.000.000 hộ áp dụng quy trình canh tác bền vững.
- Về bảo vệ môi trường và tăng trưởng xanh:
- + Tỷ lệ thất thoát sau thu hoạch dưới 8%.
- + 100% rơm được thu gom khỏi đồng ruộng và được chế biến tái sử dụng.
- + Giảm trên 10% lượng phát thải khí nhà kính so với canh tác lúa truyền thống.
- Về thu nhập người trồng lúa, giá trị gia tăng: giá trị gia tăng trong chuỗi lúa gạo tăng 40%, trong đó tỷ suất lợi nhuận người trồng lúa đạt trên 50%.
- Xây dựng thương hiệu và xuất khẩu: Lượng gạo xuất khẩu mang thương hiệu chất lượng cao, phát thải thấp chiếm trên 20% tổng lượng gạo xuất khẩu của toàn vùng chuyên canh.

### **Địa bàn triển khai đề án**

Địa bàn: Tại 12 tỉnh đồng bằng sông Cửu Long: An Giang, Kiên Giang, Đồng Tháp, Long An, Sóc Trăng, Cần Thơ, Bạc Liêu, Trà Vinh, Hậu Giang, Cà Mau, Tiền Giang và Vĩnh Long, với diện tích một triệu héc-ta.

### ***Đề án sẽ triển khai theo 02 giai đoạn:***

Giai đoạn 1 (2024 - 2025): Tập trung củng cố các diện tích đã có của Dự án chuyển đổi Nông nghiệp bền vững tại Việt Nam (VnSAT) là 180.000 héc-ta, bao gồm công tác tập huấn, xây dựng kế hoạch, xây dựng hệ thống Đo đạc - Báo cáo - Thẩm định (MRV), kiểm đếm và thí điểm cấp tín chỉ các-bon cho những vùng lúa đạt chuẩn, củng cố các hợp tác xã, duy tu bảo dưỡng một số công trình và chuẩn bị kế hoạch cho giai đoạn 2026 - 2030.

Giai đoạn 2 (2026 - 2030): Xác định cụ thể khu vực trọng tâm để lập dự án đầu tư phát triển vùng lúa chuyên canh chất lượng cao giảm phát thải mới ngoài vùng Dự án VnSAT và sẽ mở rộng thêm 820.000 héc-ta. Giai đoạn này sẽ tập trung vào các hoạt động chủ yếu như đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng cho những vùng diện tích mới, tổ chức lại sản xuất, xây dựng chuỗi giá trị, hoàn thiện hệ thống MRV, đồng thời duy trì sản xuất bền vững ở những vùng Đề án trong giai đoạn 2024 - 2025.

### **3.2.5. Thành lập Hiệp hội Ngành hàng lúa gạo Việt Nam**

Chiều 11/12/2023, tại TP Cần Thơ đã diễn ra đại hội thành lập Hiệp hội Ngành hàng lúa gạo Việt Nam nhiệm kỳ 2023 - 2028. Hiệp hội Ngành hàng lúa gạo Việt Nam đã được Bộ Nội vụ cho phép thành lập, tên viết tắt là VIETRISA (Vietnam Rice Sector Association).



Theo điều lệ, hiệp hội này là tổ chức xã hội - nghề nghiệp của các tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã, trang trại, cá nhân hoạt động trong các lĩnh vực nghiên cứu, sản xuất, chế biến, kinh doanh lúa gạo và các phụ phẩm, sản phẩm chế biến từ lúa gạo; sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp, cơ giới hóa, công nghệ cao, công nghệ số, dịch vụ hậu cần (logistics) phục vụ phát triển ngành hàng lúa gạo.

Đại hội đã bầu ban chấp hành gồm 33 thành viên là đại diện từ các thành phần trong chuỗi ngành hàng gồm chuyên gia, nhà khoa học, hợp tác xã, doanh nghiệp, nhà quản lý, bầu ông Bùi Bá Bổng - nguyên thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - làm chủ tịch Hiệp hội Ngành hàng lúa gạo Việt Nam nhiệm kỳ 2023 - 2028.

Đại hội cũng bầu sáu phó chủ tịch gồm: ông Lê Quốc Doanh - nguyên thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; ông Lê Thanh Tùng - phó cục trưởng Cục Trồng trọt; ông Trần Minh Hải - phó hiệu trưởng Trường Chính sách công và Phát triển nông thôn; bà Trần Thị Liên - tổng giám đốc Tập đoàn Vinaseed; ông Huỳnh Văn Thòn - chủ tịch hội đồng quản trị Tập đoàn Lộc Trời; ông Ngô Văn Đông - tổng giám đốc Công ty cổ phần phân bón Bình Điền. Ông Lê Thanh Tùng kiêm nhiệm nhiệm vụ tổng thư ký Hiệp hội Ngành hàng lúa gạo Việt Nam.



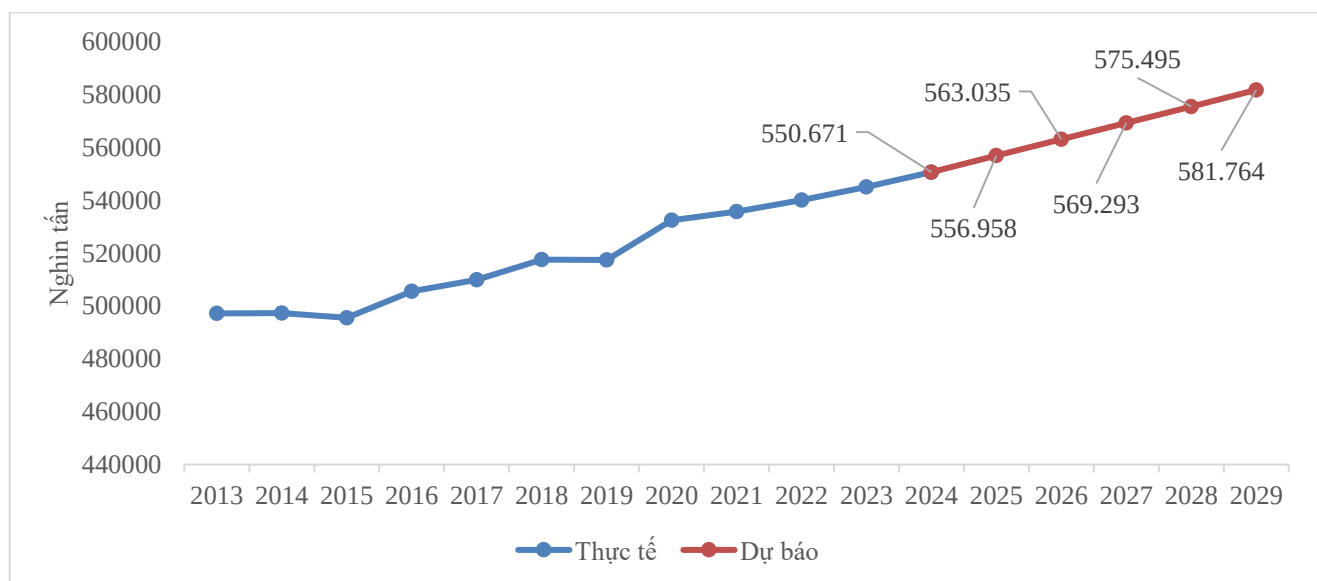
## IV. Triển vọng ngành lúa gạo

### 4.1. Tình hình sản xuất và xuất khẩu của thế giới

a/ Dự báo sản lượng, tiêu thụ gạo toàn cầu năm 2023

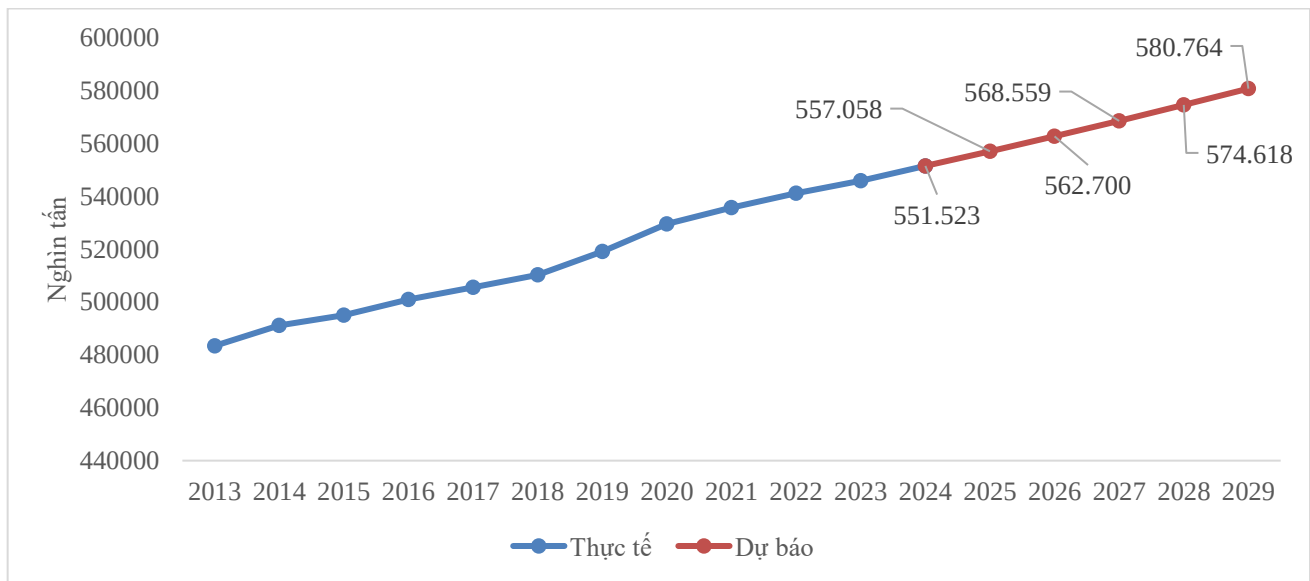
Theo OECD, dự báo thế giới sẽ tăng 1,0% sản lượng vào năm 2024, đạt 550,7 triệu tấn so với mức ước tính của tổ chức này là 545,1 triệu tấn vào năm 2023. Xu hướng tăng trưởng này sẽ tiếp tục diễn ra cho đến năm 2029.

**Hình 18: Dự báo sản lượng gạo toàn cầu từ 2024 đến 2029**



Nguồn: OECD, 2024

Cũng theo OECD, dự báo thế giới sẽ tăng 1,0% tiêu thụ vào năm 2024, đạt 551,5 triệu tấn so với mức ước tính 545,9 triệu tấn vào năm 2023. Xu hướng tăng trưởng này cũng sẽ tiếp tục diễn ra cho đến năm 2029.

**Hình 19: Dự báo tiêu thụ gạo toàn cầu từ 2024 đến 2029**

Nguồn: OECD, 2023

#### *b/ Xuất khẩu/Nhập khẩu gạo thế giới năm 2024*

Theo USDA, xuất khẩu/nhập khẩu gạo toàn cầu niên vụ 2023/2024 đều được dự báo đạt mức 52,1 triệu tấn, giảm 0,5% so với niên vụ trước. Về xuất khẩu, USDA dự báo xu hướng giảm chính sẽ ở Ấn Độ, Thái Lan, Việt Nam và Paraguay.... Trong khi đó, Pakistan, Trung Quốc, Myanmar có thể sẽ tăng xuất khẩu, nhưng tổng mức tăng vẫn thấp hơn so với tổng mức giảm của các quốc gia trên.

Về nhập khẩu, các quốc gia được dự báo sẽ giảm nhập khẩu là: Indonesia, Việt Nam, Kenya, Mozambique... Tổng mức giảm của các nước này cao hơn tổng mức tăng của một số nước như: Trung Quốc, Bangladesh, Iran, Nepal... Do đó về cơ bản, tổng nhập khẩu của toàn thế giới vẫn có xu hướng giảm nhẹ.

## **4.2. Tình hình sản xuất và xuất khẩu của Việt Nam**

#### *a/ Dự báo xu hướng sản xuất*

Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, sản xuất lúa năm 2024 sẽ đạt khoảng 7,1-7,2 triệu ha, với sản lượng khoảng 43-44 triệu tấn, tăng nhẹ so với năm 2023.

#### *b/ Dự báo xuất khẩu*

Theo Hiệp hội Lương thực Việt Nam (VFA), dự báo năm 2024, xuất khẩu gạo sẽ tiếp tục thuận lợi do thế giới thiếu hụt 5 triệu tấn gạo và Ấn Độ có khả năng sẽ duy trì hạn chế xuất khẩu gạo sang năm 2024. Trong khi đó, một số quốc gia nhập khẩu gạo truyền thống của Việt





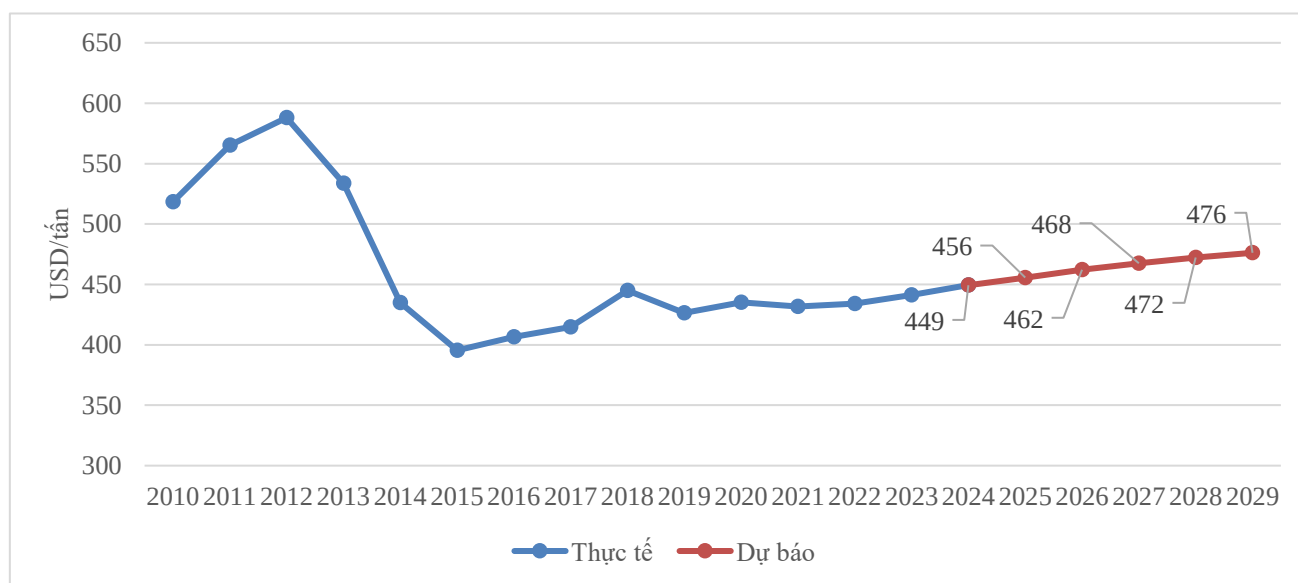
Nam như Indonesia, Philippines đều có nhu cầu tăng lượng nhập khẩu gạo (bạn hàng lớn của Việt Nam là Indonesia dự báo tăng nhập khoảng 600.000 tấn). Theo đó, xuất khẩu gạo năm 2024 dự tính mang về 5,3 tỷ USD, tăng gần 13% so với năm 2023.

#### 4.3. Dự báo tình hình giá gạo năm 2023

##### a/ Thế giới

Theo OECD, giá gạo thế giới năm 2024 sẽ tăng khoảng 1,8% so với năm 2023, cụ thể từ mức 441 USD/tấn lên mức 449 USD/tấn. Tiếp đó, trong năm 2025-2026, dự báo xu hướng giá sẽ tiếp tục tăng trưởng lên mức 456 USD/tấn (năm 2025) và 462 USD/tấn (năm 2026). Nguyên nhân chính dẫn đến giá gạo tăng cao có thể là do: (i) Ấn Độ vẫn tiếp tục duy trì lệnh cấm xuất khẩu gạo phi basmati; (ii) hiện tượng El Nino khiến giảm sản lượng và tăng nhu cầu tích trữ.

Hình 20: Dự báo giá gạo thế giới từ 2024 đến 2029



Nguồn: OECD, 2024

##### c/ Việt Nam

Theo Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam, giá gạo xuất khẩu của Việt Nam được dự báo tiếp tục tăng trong năm 2024. Về mặt lý thuyết, khi giá gạo cao thì khuyến khích các nước gia tăng sản xuất, nhưng do năm 2024 thời tiết không thuận lợi ở nhiều khu vực, nên nhiều quốc gia bị giảm sản lượng trong quý I/2024. El Nino vẫn tiếp tục giữa năm 2024, dẫn tới nguồn cung thấp nên đây vẫn là yếu tố hỗ trợ giá gạo tiếp tục cao trong thời gian tới.

Báo cáo được thực hiện bởi **AGRO*i*NFO**

VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

**TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN**

Địa chỉ: 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Email: [info@agro.gov.vn](mailto:info@agro.gov.vn)

Website: [www.agro.gov.vn](http://www.agro.gov.vn)